

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001:2008

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thi Thu Huyền**

**Giảng viên hướng dẫn : TS . Nguyễn Văn Tĩnh**

**HẢI PHÒNG - 2014**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN  
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ  
KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH PHÚC TIẾN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thi Thu Huyền  
Giảng viên hướng dẫn : TS . Nguyễn Văn Tĩnh**

**HẢI PHÒNG - 2014**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Phạm Thị Thu Huyền

Mã SV: 1213401105

Lớp: QTL601K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phúc Tiến

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập.
- Khảo sát và đánh giá thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập.
- Đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập .

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Số liệu năm 2013

## **CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

**Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: Nguyễn Văn Tinh

Học hàm, học vị: Tiến sỹ kinh tế

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Phúc Tiến

**Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 31 tháng 03 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 06 tháng 7 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2014*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGUT Trần Hữu Nghị**



## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG I : NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ DOANH THU, CHI PHÍ, KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP</b> .....	3
1.1.Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.1.1.Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.2. Các khái niệm cơ bản .....	3
1.2.1. Doanh thu .....	3
1.2.1.1.Khái niệm doanh thu .....	4
1.2.1.2. Phân loại doanh thu .....	4
1.2.1.3. Các yếu tố làm giảm doanh thu.....	4
1.2.1.4. Nguyên tắc kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .....	5
1.2.2. Chi phí .....	6
1.2.2.1. Khái niệm chi phí .....	6
1.2.2.2. Các loại chi phí và những nhân tố ảnh hưởng tới chi phí .....	6
1.2.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.....	9
1.2.3.1. Khái niệm xác định kết quả kinh doanh.....	9
1.2.3.2. Mục đích xác định kết quả kinh doanh .....	9
1.2.4. Công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp. ....	9
1.2.4.1. Nguyên tắc hạch toán doanh thu .....	9
1.2.5. Tổ chức kế toán doanh thu, thu nhập trong doanh nghiệp.....	10
1.2.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	10
1.2.5.2.Kế toán thu nhập khác.....	17
1.2.5.3. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	19
1.2.6. Tổ chức kế toán chi phí trong doanh nghiệp.....	20
1.2.6.1. Kế toán giá vốn hàng bán.....	20
1.2.6.2. Kế toán chi phí bán hàng.....	26
1.2.6.3.Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	28
1.2.6.4. Kế toán chi phí tài chính .....	30

1.2.6.5. Kế toán chi phí khác.....	32
1.2.6.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	34
1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	36
<b>CHƯƠNG II : TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH PHÚC TIẾN. ....</b>	<b>38</b>
2.1. Tổng quan về Công ty TNHH Phúc Tiến .....	38
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Phúc Tiến .....	38
2.1.2. Đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của công ty TNHH Phúc Tiến. ....	39
2.1.2.1. Loại hình kinh doanh .....	39
2.1.2.2. Tổ chức quản lý công ty.....	39
2.1.2.3. Tổ chức công tác kế toán tại công ty.....	41
2.1.2.4. Hình thức kế toán áp dụng tại công ty .....	41
2.1.2.5. Hệ thống sổ sách mà công ty đang sử dụng bao gồm.....	43
2.1.2.6. Hệ thống báo cáo tài chính mà công ty đang sử dụng bao gồm .....	43
2.1.2.7. Chế độ kế toán và các phương pháp kế toán áp dụng.....	43
2.2. Đặc điểm, phân loại hàng hóa, tổ chức kế toán và phương thức thanh toán tại công ty TNHH Phúc Tiến .....	44
2.2.1. Đặc điểm hàng hóa tại công ty TNHH Phúc Tiến .....	44
2.2.2. Phân loại hàng hóa tại công ty TNHH Phúc Tiến.....	44
2.3. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phúc Tiến.....	44
2.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	44
2.3.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính .....	60
2.3.3 Kế toán chi phí tại Công ty TNHH Phúc Tiến.....	65
2.3.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán.....	65
2.3.3.2. Kế toán chi phí bán hàng.....	74
2.3.3.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp .....	78
2.3.4. Tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh .....	83
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH PHÚC TIẾN .....</b>	<b>95</b>
3.1. Một số nhận xét về tình hình tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phúc Tiến .....	95



3.1.1. Những ưu điểm.....	95
3.1.2. Các mặt hạn chế và nguyên nhân.....	97
3.1.3. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phúc Tiến.....	97
3.1.4. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phúc Tiến. ....	98
<b>KẾT LUẬN</b> .....	100

## **LỜI MỞ ĐẦU**

### **1. Sự cần thiết của đề tài**

Trong nền kinh tế thị trường, để tồn tại và phát triển các doanh nghiệp phải đưa ra “ Sản xuất cái gì ? Sản xuất cho ai ? Sản xuất như thế nào ?”, phải mang hiệu quả và đạt được lợi nhuận tối đa. Cũng có nghĩa là doanh nghiệp sản xuất bán được sản phẩm thu được tiền bán hàng, với chi phí sản xuất ngày càng giảm, để kết quả kinh doanh thu được cao. Để đạt được những mong muốn trên doanh nghiệp phải cải tiến, đổi mới tổ chức sản xuất, đổi mới công nghệ, áp dụng thành tựu khoa học kỹ thuật mới tiên tiến trên thế giới, đổi mới công tác quản lý sản xuất kinh doanh và phải luôn luôn quan tâm tới công tác kế toán nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh để kịp thời có những thông tin, số liệu chính xác phục vụ cho nhà quản lý chỉ đạo sản xuất kinh doanh quản lý trong doanh nghiệp.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Phúc Tiến, em đã đi sâu, nghiên cứu, tìm hiểu về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh và công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp và em đã lựa chọn đề tài khóa luận của mình là: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phúc Tiến” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

### **2. Mục đích nghiên cứu của đề tài**

Một là : Nghiên cứu một cách có hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

Hai là: Làm rõ thực trạng về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phúc Tiến.

Ba là: Đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phúc Tiến.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài**

Đối tượng nghiên cứu: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Phạm vi nghiên cứu: Tại Công ty TNHH Phúc Tiến.

**4. Phương pháp nghiên cứu**

Lấy lý luận chủ nghĩa Mác – Lênin, chủ nghĩa duy vật biện chứng làm kim chỉ nam để nghiên cứu. Lấy lý luận soi vào thực tiễn và lấy thực tiễn làm nền tảng để kiểm tra lại lý luận.

Phương pháp kế toán.

Phương pháp phân tích.

Phương pháp so sánh.

Phương pháp hỏi ý kiến chuyên gia.

Phương pháp kế thừa thành tựu.

**5. Nội dung kết cấu của đề tài**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung của bài khóa luận được kết cấu làm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phúc Tiến.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phúc Tiến.

Trong quá trình thực hiện, em đã được sự chỉ dẫn, giúp đỡ của các anh chị phòng kế toán và thầy giáo hướng dẫn. Tuy nhiên, do vốn kiến thức còn hạn chế cùng với thời gian thực tập còn chưa nhiều nên bài khóa luận của em khó tránh khỏi những thiếu sót. Em mong nhận được sự chỉ bảo, giúp đỡ của các anh chị trong phòng kế toán của công ty, các phòng ban của công ty và các thầy cô giáo để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

# **CHƯƠNG I : NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ DOANH THU, CHI PHÍ, KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

## **1.1. Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

### **1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

Tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có một vai trò vô cùng quan trọng không chỉ đối với mỗi doanh nghiệp mà còn đối với những đối tượng khác như là các nhà đầu tư, các trung gian tài chính hay đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế.

*Đối với mỗi doanh nghiệp:* Công tác này giúp thu nhập, xử lý và cung cấp thông tin cho các nhà quản trị doanh nghiệp nhìn nhận, đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, trên cơ sở đó đưa ra những quyết định, phương hướng phát triển cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

*Đối với các nhà đầu tư:* Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Để từ đó đưa ra những quyết định có nên đầu tư vào doanh nghiệp hay không.

*Đối với các trung gian tài chính như:* Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính nhằm đưa ra quyết định có nên cho vay hay không đối với doanh nghiệp đó.

*Đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế :* Nó giúp cho các nhà hoạch định chính sách của nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô được tốt hơn, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

## **1.2. Các khái niệm cơ bản**

### **1.2.1. Doanh thu**

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác ” ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC

**1.2.1.1. Khái niệm doanh thu**

*Doanh thu*: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

*Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*: Là tổng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

**1.2.1.2. Phân loại doanh thu**

- *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ* : Là số tiền ghi trên hóa đơn bán hàng hay hợp đồng cung cấp lao vụ, dịch vụ.

- *Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ*: Là số chênh lệch giữa tổng doanh thu với các khoản giảm giá hàng bán, doanh thu của số hàng bán bị trả lại, chiết khấu thương mại và số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu hay thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp.

- *Doanh thu tiêu thụ nội bộ*: Là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc công ty, tổng công ty.

- *Doanh thu hoạt động tài chính*: Bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền.

- *Doanh thu trợ cấp, trợ giá*: Bao gồm các khoản doanh thu từ trợ cấp, trợ giá của Nhà nước khi doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước.

- *Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư*: Bao gồm doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và doanh thu bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

- *Thu nhập khác*: Là các khoản thu ngoài hoạt động SXKD của DN như thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ, bán cho thuê tài sản, thu tiền phạt vi phạm hợp đồng, thu hồi nợ khó đòi đã xóa sổ, nhận quà biếu tặng...

**1.2.1.3. Các yếu tố làm giảm doanh thu**

- *Chiết khấu thương mại*: Là số tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua do mua hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo

thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

- *Giảm giá hàng bán*: Là số tiền giảm trừ cho khách hàng ngoài hóa đơn hay hợp đồng cung cấp dịch vụ do các nguyên nhân đặc biệt như hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, giao hàng không đúng thời gian, địa điểm trong hợp đồng..(do chủ quan doanh nghiệp).

- *Hàng bán bị trả lại*: Là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người chấp nhận trả tiền) nhưng lại bị người mua từ chối thanh toán và trả lại do người bán vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Giá trị của hàng bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh giảm doanh thu thuần của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ.

- *Thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế TTĐB, thuế xuất khẩu*: là khoản thuế gián thu tính trên doanh thu bán hàng, các khoản thuế này tính cho đối tượng tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ; cơ sở sản xuất kinh doanh chỉ là đơn vị thu nộp thuế thay cho người tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ đó.

#### **1.2.1.4. Nguyên tắc kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu VAT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có VAT.

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện chịu VAT hoặc chịu VAT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá trị thanh toán có VAT.

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, thuế XNK thì doanh thu là tổng giá thanh toán gồm cả thuế TTĐB và thuế XNK.

- Doanh nghiệp nhận gia công thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

- Với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì doanh thu là phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì ghi doanh thu theo giá trả ngay.

- Trường hợp DN đã viết hóa đơn và thu tiền bán hàng nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa giao hàng cho người mua thì hàng này coi như hàng chưa bán trong kỳ.

- Trường hợp cho thuê tài sản, nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ của năm tài chính sẽ bằng số tiền cho thuê đã thu được chia cho số năm cho thuê tài sản.

- Đối với DN thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được nhà nước trợ cấp trợ giá thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá.

## **1.2.2. Chi phí**

### **1.2.2.1. Khái niệm chi phí**

Theo chuẩn mực kế toán số 01 – “ Chuẩn mực chung ” (Ban hành và công bố theo QĐ số 165/2002/QĐ –BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng BTC ) Chi phí của doanh nghiệp là toàn bộ các khoản chi phí cho hoạt động kinh doanh cho các hoạt động khác mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

### **1.2.2.2. Các loại chi phí và những nhân tố ảnh hưởng tới chi phí**

*Giá vốn hàng bán:* Là trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Giá vốn hàng bán còn là các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động ( trường hợp phát sinh không lớn ), chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư...

Giá vốn hàng bán tỷ trọng lớn trong các khoản chi phí của doanh nghiệp. Giá vốn hàng bán là giá thành sản phẩm (đối với doanh nghiệp sản xuất), là giá mua hàng hóa cộng chi phí thu mua hàng hóa (đối với doanh nghiệp thương mại).

*Chi phí bán hàng :* Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, chi phí chào mời, giới thiệu, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành, bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí bán hàng bao gồm:

+ *Chi phí nhân viên bán hàng:* Phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hóa.. Bao gồm tiền lương, tiền ăn ca, tiền công, các khoản trích bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn.

+ *Chi phí vật liệu, bao bì :* Phản ánh các chi phí, vật liệu bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ như : chi phí đóng gói sản phẩm, hàng hóa, chi phí vật liệu, nhiên liệu...

+ *Chi phí dụng cụ, đồ dùng* : Phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ, đồ dùng đo lường, tính toán, làm việc ở khâu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

+ *Chi phí khấu hao TSCĐ* : Phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ như nhà kho, cửa hàng, phương tiện vận chuyển, bốc dỡ, phương tiện tính toán, đo lường, kiểm nghiệm chất lượng...

+ *Chi phí bảo hành sản phẩm* : Là khoản chi phí bỏ ra để sửa chữa, bảo hành sản phẩm, hàng hóa trong thời gian quy định và bảo hành.

+ *Chi phí dịch vụ mua ngoài* : Là các khoản chi phí mua ngoài phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ như : chi phí thuê tài sản, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc vác vận chuyển, tiền hoa hồng đại lý, đơn vị nhận ủy thác xuất khẩu...

+ *Chi phí bằng tiền khác* : Là khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ nằm ngoài các chi phí trả trên: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm, hàng hóa...

*Chi phí quản lý doanh nghiệp*: Là chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài điện nước, chi phí bằng tiền khác...

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm

+ *Chi phí nhân viên quản lý* :Phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định.

+ *Chi phí vật liệu quản lý* : Trị giá thực tế các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của doanh nghiệp cho việc sửa chữa TSCĐ công cụ dùng chung của doanh nghiệp.

+ *Chi phí đồ dùng văn phòng* : Chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của doanh nghiệp.

+ *Chi phí khấu hao TSCĐ* : Phản ánh chi phí khấu hao của những TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như văn phòng làm việc, máy móc thiết bị quản lý...



+ *Thuế, phí, lệ phí* : Phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí như thuế nhà đất, thuế môn bài... và các khoản phí, lệ phí giao thông, cầu phà.

+ *Chi phí dự phòng* : Phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

+ *Chi phí dịch vụ mua ngoài* : Các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài như mua tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế, chi trả nhà thầu, tiền điện, tiền nước, tiền thuê TSCĐ dùng chung của doanh nghiệp.

+ *Chi phí bằng tiền khác* : Các khoản chi phí khác bằng tiền ngoài các khoản kể trên chi hội nghị, tiếp khách, chi công tác phí, chi đào tạo cán bộ và các khoản chi phí khác.

*Chi phí tài chính* : Bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán. Các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, tỷ giá hối đoái...

*Chi phí khác* : Là những khoản chi phí phát sinh ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm :

+ Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có).

+ Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

+ Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.

+ Bị phạt thuế, truy nộp thuế.

+ Các khoản chi phí khác.

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp*

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp là một loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm hiện hành.

+ Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi hay lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

**1.2.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp****1.2.3.1. Khái niệm xác định kết quả kinh doanh**

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được xác định theo từng kỳ kế toán. Kỳ kế toán để xác định lợi nhuận thường là một tháng, một quý hoặc một năm.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- *Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh* : Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính.

- *Lợi nhuận từ hoạt động tài chính* : Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính chi phí hoạt động tài chính.

- *Lợi nhuận từ hoạt động khác* : Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác .

**1.2.3.2. Mục đích xác định kết quả kinh doanh**

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu quan trọng, thông qua chỉ tiêu này sẽ biết được trong kỳ sản xuất kinh doanh đã qua doanh nghiệp lãi hay lỗ tức là kinh doanh hiệu quả hay chưa hiệu quả. Điều này giúp nhà quản lý đưa ra những chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

**1.2.4. Công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.****1.2.4.1. Nguyên tắc hạch toán doanh thu**

Việc xác định ghi nhận doanh thu phải tuân thủ các quy định trong Chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” và các chuẩn mực kế toán khác có liên quan.

Khi ghi nhận một khoản doanh thu phải tuân thủ nguyên tắc ghi nhận một khoản chi phí tương đương có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

1. Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
4. Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
5. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
  - Đối với các giao dịch về cung cấp dịch vụ, các chuẩn mực cũng quy định : Doanh thu được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu phải được theo dõi riêng biệt theo từng loại doanh thu: Doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia... nhằm phục vụ cho việc xác định đầy đủ, chính xác kết quả kinh doanh theo yêu cầu quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh và lập báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Nếu trong kỳ kế toán phát sinh các nghiệp vụ giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì phải được hạch toán riêng biệt. Các khoản giảm trừ doanh thu được tính trừ vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của kỳ kế toán.

Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp phải xác định kết quả hoạt động SXKD. Toàn bộ doanh thu thuần thực hiện trong kỳ kế toán được kết chuyển vào tài khoản 911.

### **1.2.5. Tổ chức kế toán doanh thu, thu nhập trong doanh nghiệp**

#### **1.2.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

##### **Các phương thức bán hàng**

Hoạt động mua bán hàng của các doanh nghiệp thương mại có thể thực hiện theo hai phương thức bán buôn và bán lẻ.

**Đối với bán buôn**

Có hai phương thức là bán hàng qua kho và bán hàng vận chuyển thẳng.

Phương thức bán hàng qua kho:

Theo phương thức này hàng hóa mua về nhập kho rồi từ kho xuất bán ra bên ngoài. Phương thức này có hai hình thức giao nhận

*Hình thức giao nhận hàng:* Theo hình thức này bên mua sẽ đến tại kho bên bán hoặc đến một địa điểm khác do bên bán quy định để chuyển hàng.

*Phương thức chuyển hàng:* Theo hình thức này, bên bán sẽ chuyển hàng hóa đến kho của bên mua hoặc đến một địa điểm do bên mua quy định để chuyển hàng.

*Phương thức bán hàng vận chuyển thẳng:* Theo phương thức này hàng hóa sẽ được chuyển thẳng từ đơn vị cung cấp đến đơn vị mua không qua kho của đơn vị trung gian. Phương thức bán hàng vận chuyển thẳng có hai phương thức thanh toán:

- Vận chuyển thẳng tham gia thanh toán: Theo hình thức này hàng hóa được vận chuyển thẳng tới đơn vị mua. Về mặt thanh toán đơn vị trung gian vẫn làm nhiệm vụ thanh toán với đơn vị cung cấp và thu tiền của đơn vị mua.

- Vận chuyển thẳng không tham gia thanh toán: Theo hình thức đơn vị trung gian không làm nhiệm vụ thanh toán với đơn vị cung cấp và thu tiền của đơn vị mua. Mà tùy theo từng hợp đồng mà đơn vị trung gian được hưởng một tỷ lệ hoa hồng phí nhất định ở bên bán hoặc ở bên mua.

**Đối với bán lẻ**

Trong bán lẻ có ba phương thức bán hàng đó là bán hàng thu tiền tập trung, bán hàng không thu tiền tập trung, bán hàng tự động.

*Phương thức bán hàng thu tiền tập trung:* Theo phương thức này nhân viên bán hàng chỉ phụ trách việc giao nhận hàng còn việc thu tiền do bộ phận khác đảm nhiệm. Trình tự bán hàng thu tiền tập trung được tiến hành như sau:

Sau khi khách hàng chấp nhận mua hàng, người bán hàng viết “ Hóa đơn bán lẻ” giao cho khách hàng. Khách hàng nộp tiền, người thu tiền sau khi đã thu xong thì đóng dấu đã thu tiền hoặc ký tên trên “ Hóa đơn bán lẻ” xác nhận đã nhận đủ tiền, khách hàng sẽ cầm hóa đơn đó đến chỗ giao hàng để nhận hàng. Cuối ca hoặc cuối ngày, người thu tiền tổng hợp số tiền bán được để xác định doanh số bán hàng. Định kỳ kiểm kê hàng hóa tại quầy, tính toán lượng hàng đã bán tại quầy.

*Phương thức bán hàng không thu tiền tập trung:* Theo phương thức này, nhân viên bán hàng vừa làm nhiệm vụ giao hàng vừa làm nhiệm vụ thu tiền. Do vậy trong cửa hàng bán lẻ việc thu tiền phân tán ở nhiều điểm. Hàng ngày hoặc định kỳ kế toán bán hàng tiến hành kiểm kê hàng bán còn lại để tính lượng bán ra của từng mặt hàng, lập báo cáo bán hàng đối chiếu doanh số bán theo báo cáo bán hàng với số tiền bán hàng thực nộp để xác định thừa thiếu tiền bán hàng.

*Phương thức bán hàng tự động :* Theo phương thức này người mua hàng tự chọn hàng hóa cần mua trong quầy hàng, sau đó mang đến bộ phận thu ngân để kiểm hàng và tính tiền. Cuối ngày thu ngân nộp tiền vào quỹ. Định kỳ kế toán bán hàng nộp tiền vào quỹ để xác định thừa thiếu tiền hàng.

### **Chứng từ sử dụng**


- Hóa đơn GTGT (đối với những đơn vị hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)
- Các chứng từ thanh toán ( phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, giấy báo có của ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng...).
- Chứng từ kế toán liên quan khác : Phiếu xuất kho hàng bán, phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại, hóa đơn vận chuyển bốc dỡ...

### **Tài khoản sử dụng**

TK 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

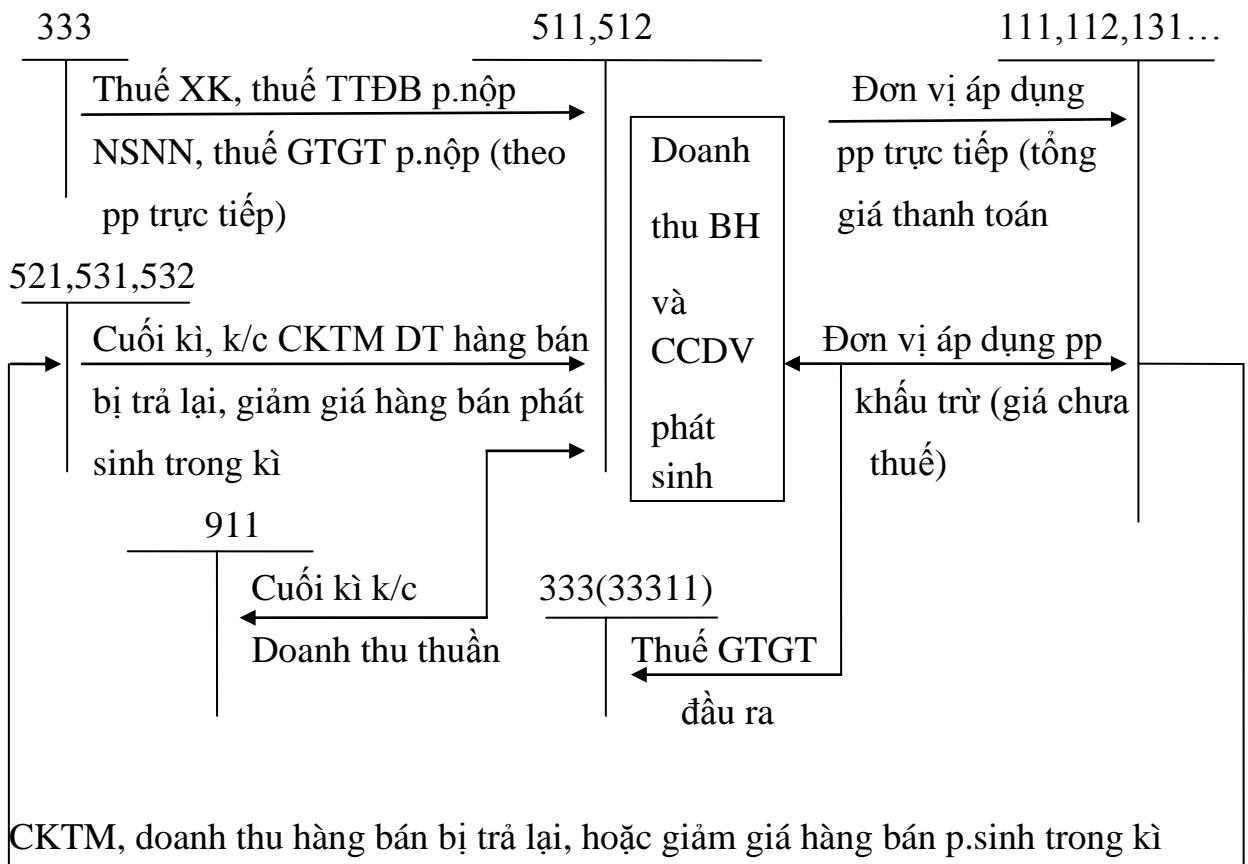
TK 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ”

**Kết cấu tài khoản 511, 512** (không có số dư đầu kì)

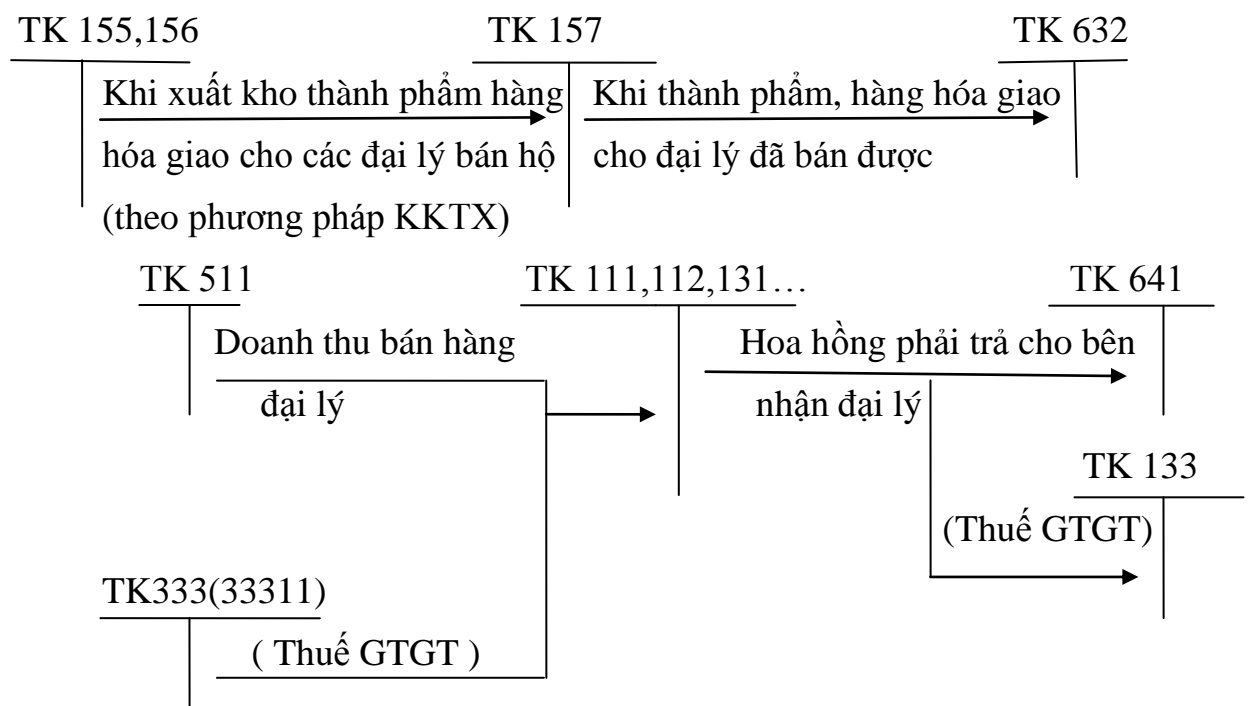
<b>Nợ</b>	<b>TK 511, 512</b>	<b>Có</b>
<ul style="list-style-type: none"><li>- Số thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế (nội bộ) của sản phẩm, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.</li><li>- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp theo phương pháp trực tiếp.</li><li>- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.</li><li>- Khoản giảm giá hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.</li><li>- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.</li><li>- Kết chuyển doanh thu thuần sang TK 911.</li></ul>		<p>- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ (doanh thu bán hàng nội bộ) của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.</p>
<b>Σ SPS Nợ</b>		<b>Σ SPS Có</b>
		

**Phương pháp hạch toán**

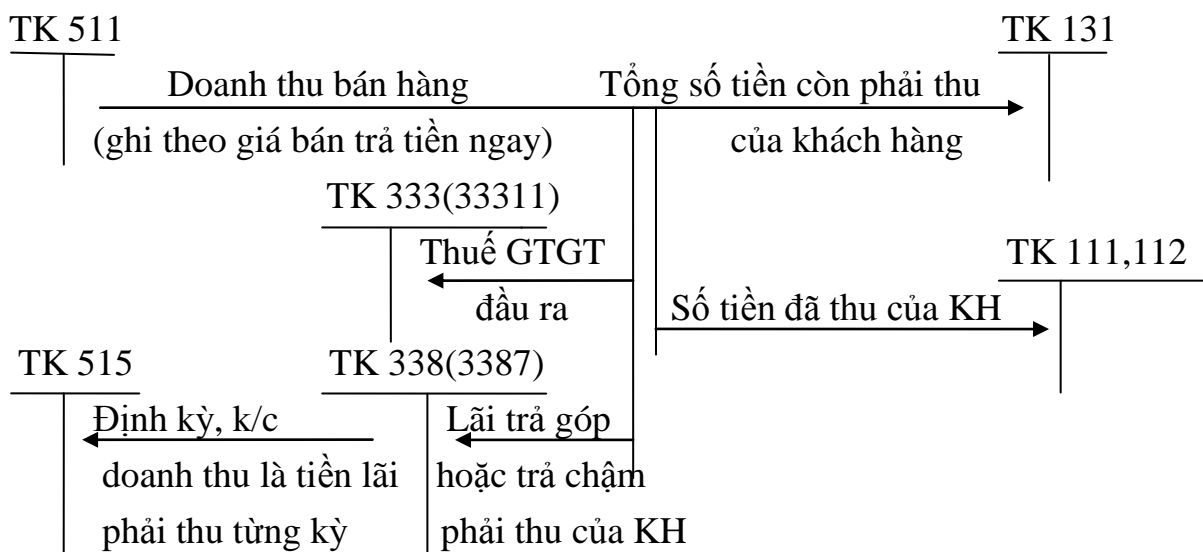
Sơ đồ 1.1 : Hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương pháp trực tiếp



Sơ đồ 1.2: Hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thông qua đại lý (theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng )



Sơ đồ 1.3: Hạch toán kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp



**1.2.5.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

**Chứng từ sử dụng:** Phiếu thu; Giấy báo có và các chứng từ khác liên quan.

**Tài khoản sử dụng :** TK 515 “ Doanh thu hoạt động tài chính”

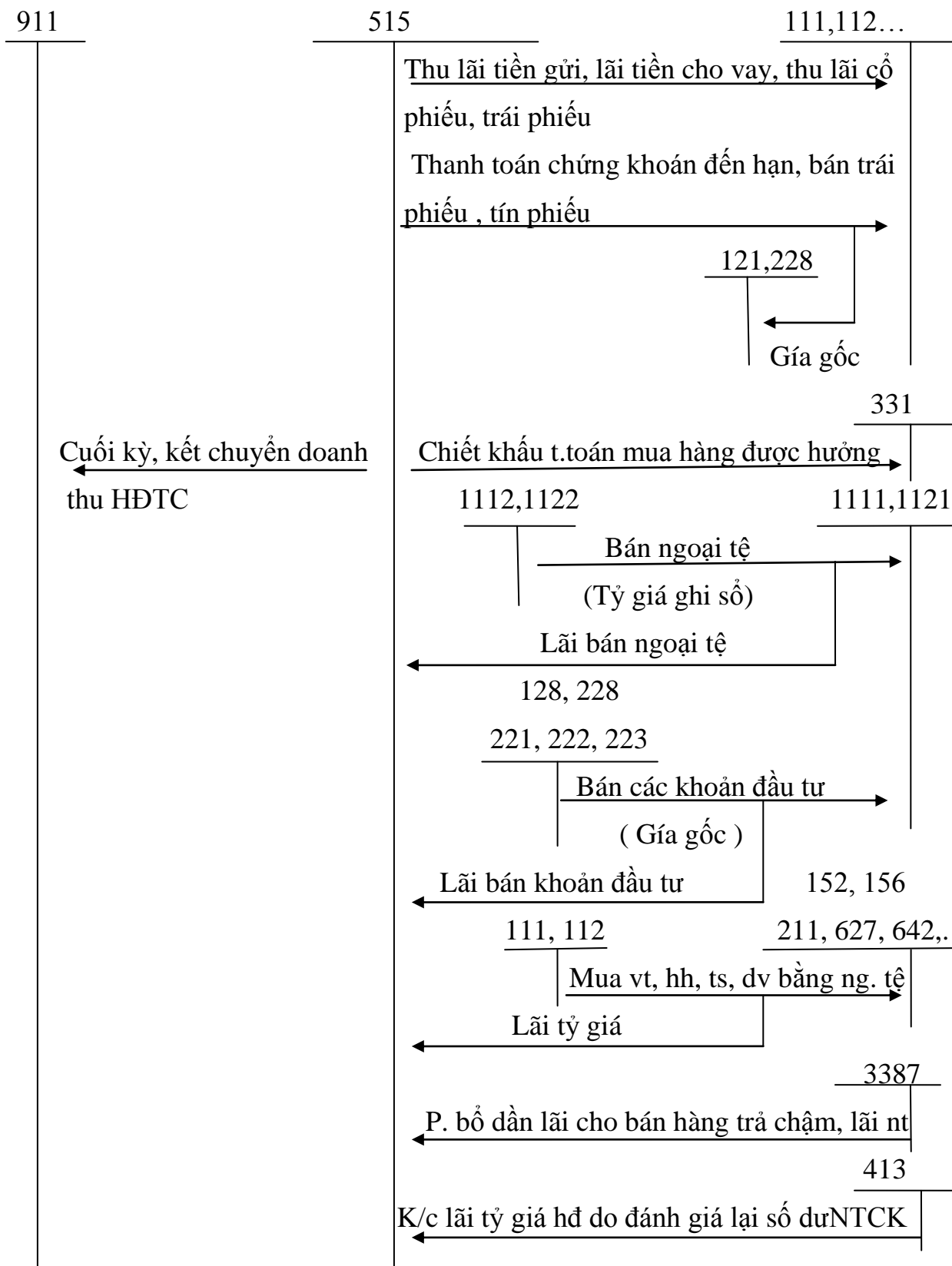
**Kết cấu tài khoản 515** ( không có số dư đầu kỳ)

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế GTGT phải nộp theo pp trực tiếp (nếu có).</li> <li>- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiền lãi, cổ tức và l. nhuận được chia.</li> <li>- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.</li> <li>- Chiết khấu thanh toán được hưởng.</li> <li>- Lãi tỉ giá hối đoái phát sinh trong kỳ.</li> <li>- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản ngoại tệ.</li> <li>- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động DTTC.</li> <li>- D.thu HĐTC khác phát sinh trong kỳ.</li> </ul>
<b>Σ SPS Nợ</b>		<b>Σ SPS Có</b>
✕		



Phương thức hạch toán

Sơ đồ 1.4 : Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



**1.2.5.3.Kế toán thu nhập khác**

**Chứng từ, sổ sách sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán : Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan khác như : Biên bản thanh lý TSCĐ, hợp đồng kinh tế...
- Sổ cái và sổ chi tiết TK 711
- Sổ nhật ký chung
- Bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính

**Tài khoản sử dụng**

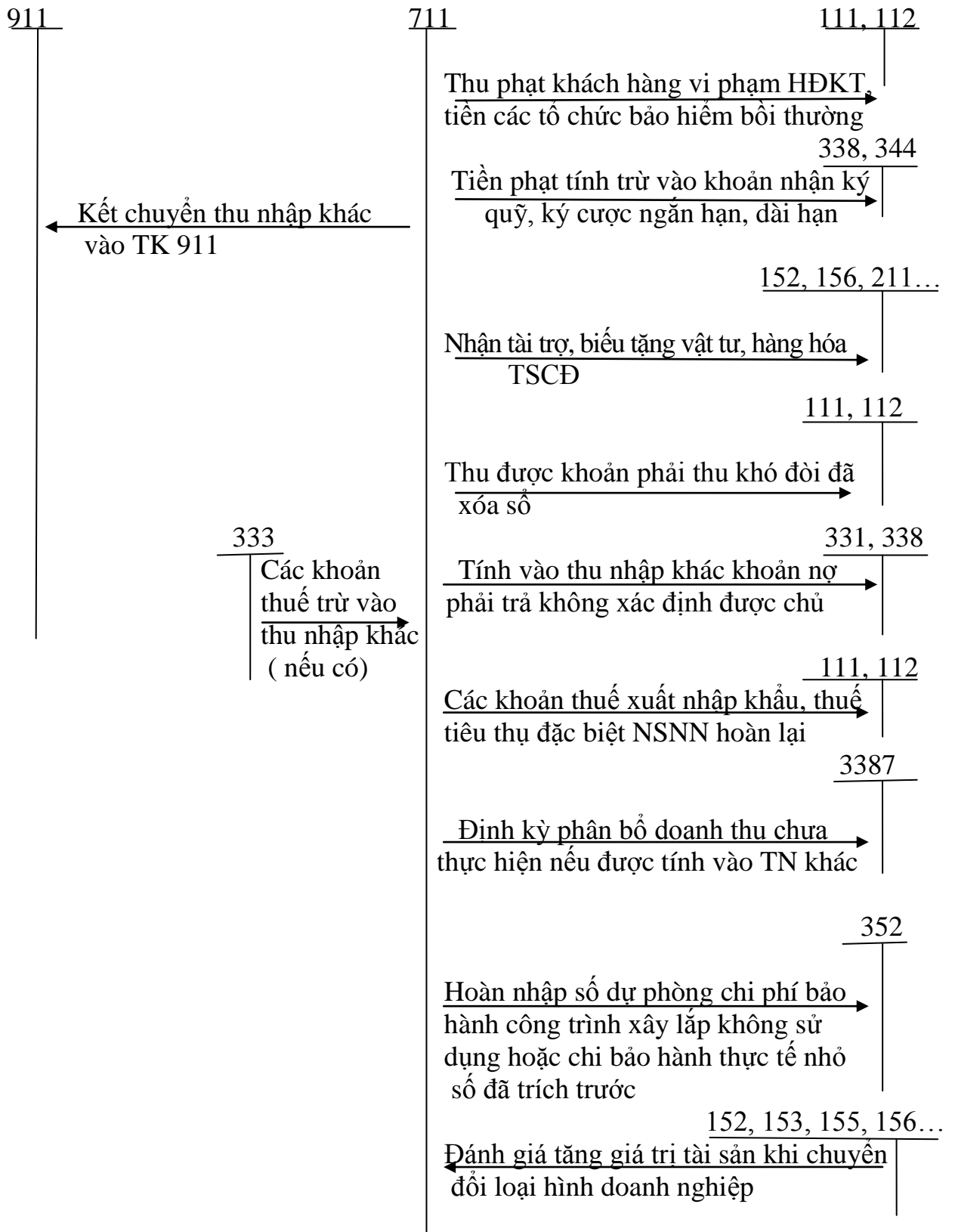
TK 711 : Thu nhập khác

**Kết cấu tài khoản 711( không có số dư đầu kì)**

<b>Nợ</b>	<b>TK 711</b>	<b>Có</b>
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) theo pp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp tính thuế GTGT theo pp trực tiếp. - Cuối kì kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911.		- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kì.
<b>Σ SPS Nợ</b>		<b>Σ SPS Có</b>
<div style="font-size: 2em; margin: 0 auto;">×</div>		

**Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.5 : Kế toán thu nhập khác



**1.2.5.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

**Chứng từ, sổ sách sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Hợp đồng mua bán hàng hóa
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái và sổ chi tiết tài khoản 521, 531, 532
- Bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính
- Các chứng từ, sổ sách liên quan

**Tài khoản sử dụng**

TK521 : Chiếu khấu thương mại

TK 531 : Hàng bán bị trả lại

TK 532 : Giảm giá hàng bán

TK 3331 : Thuế GTGT phải nộp

TK 3332 : Thuế tiêu thụ đặc biệt

TK 3333 : Thuế xuất, nhập khẩu

**Kết cấu tài khoản 521, 531, 532 (không có số dư đầu kỳ)**

<b>Nợ</b>	<b>TK 521</b>	<b>Có</b>
Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng		Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 511 để xác định doanh thu của kỳ báo cáo
<b>Σ SPS Nợ</b>		<b>Σ SPS Có</b>
<del>X</del>		

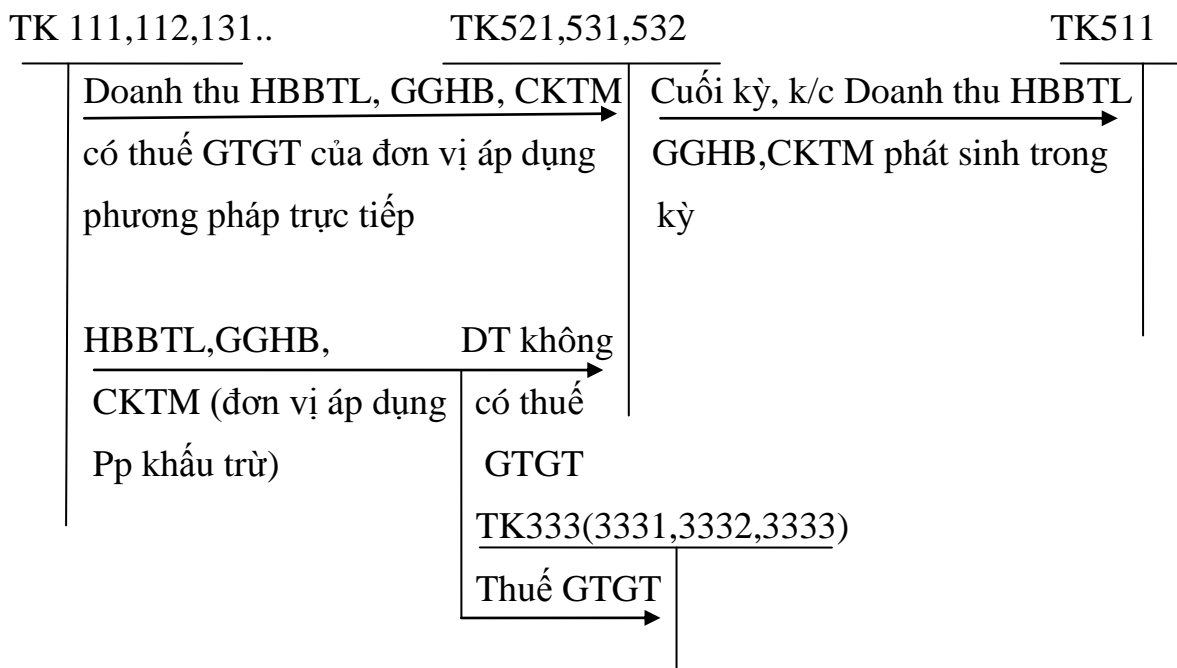
<b>Nợ</b>	<b>TK 531</b>	<b>Có</b>
Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán		Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên nợ TK 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo
<b>Σ SPS Nợ</b>		<b>Σ SPS Có</b>
<del>X</del>		

Các khoản giảm giá hàng bán đã cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế	Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo
<b>Σ SPS Nợ</b>	<b>Σ SPS Có</b>



**Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.6 : Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu



**1.2.6. Tổ chức kế toán chi phí trong doanh nghiệp**

**1.2.6.1. Kế toán giá vốn hàng bán**

Phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho để bán

*Đối với các doanh nghiệp sản xuất :* Trị giá vốn của hàng xuất kho để bán hoặc thành phẩm hoàn thành không nhập kho đưa bán ngay chính là giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm xuất kho hoặc giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm hoàn thành.

*Đối với doanh nghiệp thương mại:* Trị giá vốn hàng xuất kho để bán bao gồm : trị giá mua thực tế và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

Trong đó :

- + Trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được xác định theo một phương pháp tính giá hàng tồn kho.

+ Chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán : Do chi phí mua hàng liên quan đến nhiều chủng loại hàng hóa, liên quan đến khối lượng hàng hóa trong kì và hàng hóa bán đầu kì, cho nên cần phân bổ chi phí mua hàng cho hàng đã bán trong kì và hàng tồn kho cuối kì.

Công thức:

$$\text{Chi phí m.hàng phân bổ cho hh đã bán} = \frac{\text{Chi phí mua hàng của hh tồn kho đầu kì} + \text{Chi phí mua hàng của hh phát sinh trong kì}}{\text{Tổng tiêu chuẩn phân bổ của hh tồn kho cuối kì và hh đã xuất bán trong kì}} \times \text{Tiêu chuẩn phân bổ của hh đã xuất bán trong kì}$$

Trong đó : Hàng hóa tồn kho cuối kì bao gồm cả hàng hóa tồn trong kho, hàng hóa đã mua nhưng còn đang đi trên đường và hàng gửi bán nhưng chưa được chấp nhận.

- Các phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho

*Phương pháp bình quân gia quyền* : Theo phương pháp này thì trị giá thực tế của hàng hóa, thành phẩm xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hóa, thành phẩm xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền.

Giá thực tế xuất kho = Số lượng xuất × Đơn giá thực tế bình quân	
Đơn giá thực tế bình quân	$= \frac{\text{Giá trị hàng tồn kho đầu kì} + \text{Giá trị hàng thực tế nhập trong kì}}{\text{Số lượng tồn đầu kì} + \text{Số lượng nhập trong kì}}$

Giá đơn vị bình quân gia quyền có thể được tính theo hai cách :

+ Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kì :

Nếu đến cuối kỳ kế toán mới xác định đơn giá bình quân đó là đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ.

Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kì	$= \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kì} + \text{Trị giá hàng nhập trong kì}}{\text{Lượng hàng tồn đầu kì} + \text{Lượng hàng nhập trong kì}}$
--------------------------------------	---

+ *Giá đơn vị bình quân gia quyền liên hoàn* :

Nếu sau mỗi lần nhập, xuất kế toán xác định lại đơn giá thực tế bình quân thì giá đó là giá thực tế bình quân gia quyền liên hoàn.

Giá đơn vị bình quân gia quyền sau lần nhập I	$= \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập i}}{\text{Lượng hàng tồn sau lần nhập i}}$
---	---

***Phương pháp nhập trước xuất trước ( FIFO)***

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nhập trước sẽ được xuất trước, xuất hết số lượng hàng nhập trước mới tính đến số lượng hàng nhập sau theo giá mua thực tế của từng loại hàng ( trong trường hợp này số hàng tồn đầu kì được coi là nhập lần đầu tiên).

***Phương pháp nhập sau, xuất trước ( LIFO)***

+ Xác định tại thời điểm cuối kì : Theo phương pháp này hàng nào nhập vào sau cùng sẽ được xuất ra đầu tiên.

+ Xác định sau mỗi lần nhập : Theo phương pháp này thì sau mỗi lần nhập sẽ xác định giá trị thực tế xuất kho.

***Phương pháp thực tế đích danh***

Theo phương pháp này hàng hóa nhập kho theo giá nào thì được xuất kho theo giá đó.

Hàng hóa được xác định theo đơn chiếc từng lô và giữ nguyên giá cho đến lúc bán ( trừ trường hợp điều chỉnh ).

Phương pháp này phản ánh chính xác giá trị của từng lô hàng hóa của mỗi lần nhập. Do đó, những doanh nghiệp có nhiều mặt hàng, nhiều nghiệp vụ xuất nhập hàng hóa không nên áp dụng.

**Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Và các chứng từ hóa đơn liên quan khác.

**Tài khoản sử dụng:** TK 632 “ Giá vốn hàng bán”

**Kết cấu tài khoản 632** ( không có số dư cuối kì)

**A. Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.**

**Nợ**

**TK 632**

**Có**

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với hoạt động SXKD phản ánh:</li> <li>+ Trị giá vốn của SP, HH, DV đã bán T.kì</li> <li>+ Chi phí NL, VL, NC vượt mức bình thường và CPSXC cố định không phân bổ được</li> <li>+ Hao hụt, mất mát của HTK sau khi trừ phần bồi thường trách nhiệm do các cá nhân gây ra</li> <li>+ Chi phí xây dựng TSCĐ vượt trên mức bình thường không tính vào NG TSCĐ</li> <li>+ Số trích lập dự phòng giảm giá HTK</li> <li>- Đối với HĐKT BĐS đầu tư phản ánh:</li> <li>+ Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kì</li> <li>+ Chi phí sửa chữa BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư</li> <li>+ Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê HĐ BĐS đầu tư trong kì</li> <li>+ Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lí</li> <li>+ Chi phí bán, thanh lí BĐS đầu tư</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- K/c giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911</li> <li>- K/c toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh</li> <li>Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước)</li> <li>- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho</li> </ul>
<b>Σ SPS Nợ</b>	<b>Σ SPS Có</b>





**B. Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kì.**

- Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại:

<b>Nợ</b>	<b>TK 632</b>	<b>Có</b>
+ Trị giá vốn của hàng hoá đã bán trong kì		- K/c giá vốn của hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa xác định được là đã tiêu thụ
+ Số trích lập dự phòng giảm giá HTK (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng phải lập năm trước chưa sử dụng hết)		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước)
		- K/c giá vốn của hàng hoá đã xuất bán vào bên nợ TK911.
<b>Σ SPS Nợ</b>		<b>Σ SPS Có</b>



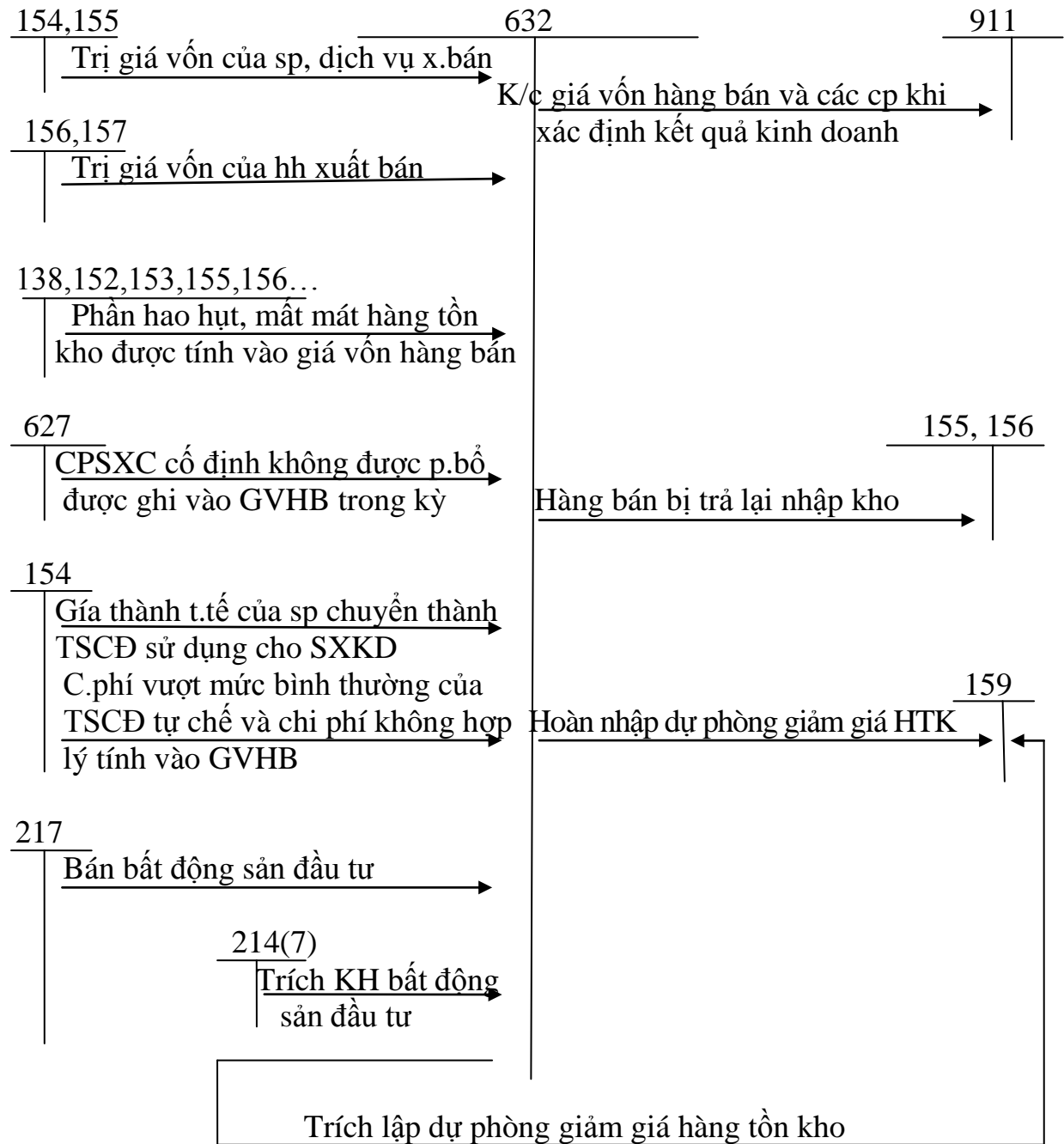
- Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh vật tư:

<b>Nợ</b>	<b>TK 632</b>	<b>Có</b>
+ Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kì		- K/c giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kì vào bên nợ TK155
+ Số trích lập dự phòng giảm giá HTK (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm trước chưa sử dụng hết)		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK cuối năm tài chính (Chênh lệch số dự phòng lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước)
+ Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành		- K/c giá vốn của thành phẩm đã xuất bán dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên nợ TK911
<b>Σ SPS Nợ</b>		<b>Σ SPS Có</b>



**Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.7 :Kế toán giá vốn hàng bán (Theo phương pháp kê khai thường xuyên)



Sơ đồ 1.8 :Kế toán giá vốn hàng bán (Theo phương pháp kiểm kê định kỳ)



### 1.2.6.2. Kế toán chi phí bán hàng

#### Chứng từ sử dụng

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH, bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ NVL – CCDC, các chứng từ gốc có liên quan

#### Tài khoản sử dụng

TK 641 : Chi phí bán hàng

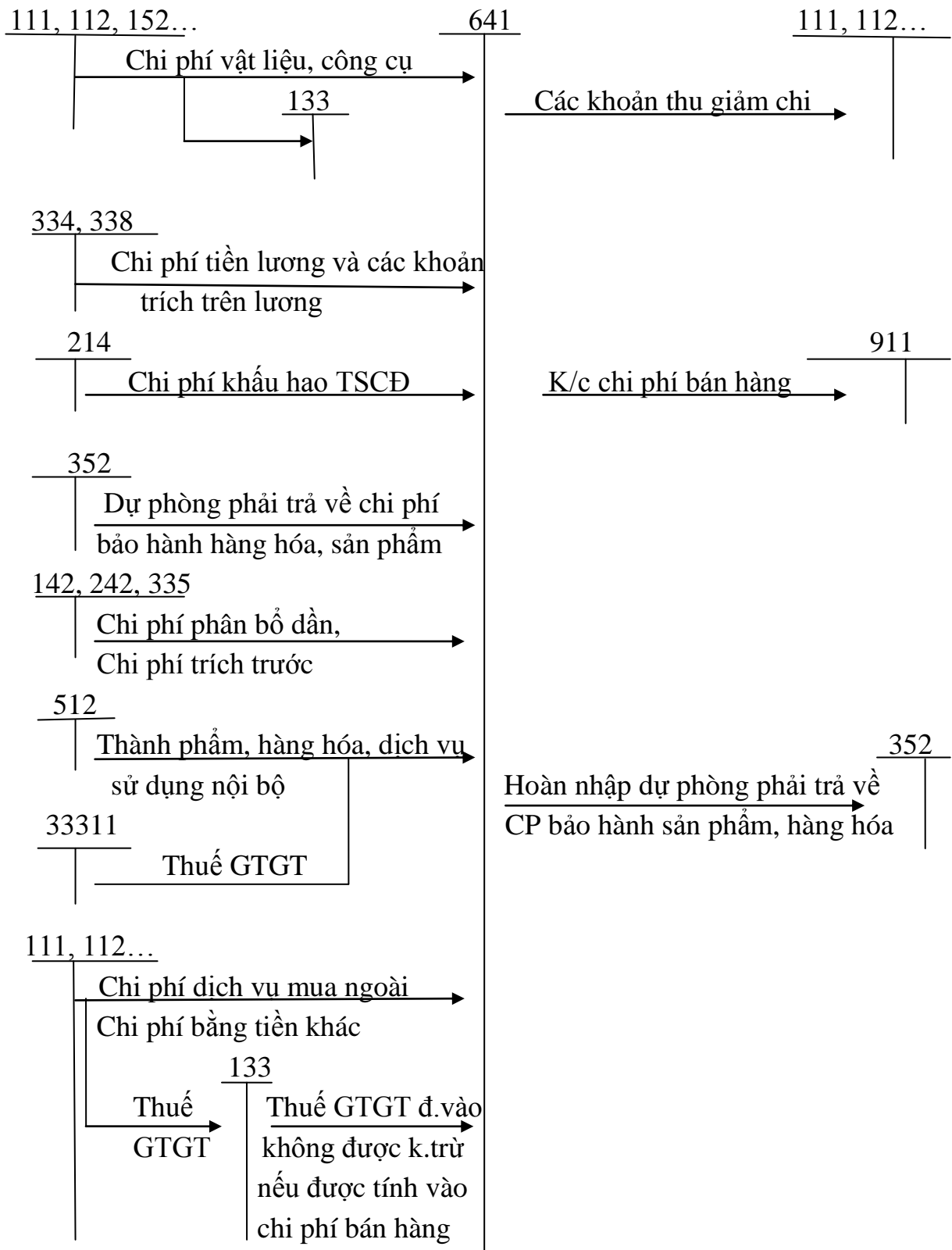
#### Kết cấu tài khoản 641 ( Không có số dư cuối kì ).

- Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh

Nợ	TK 641	Có
Các chi phí liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ		K/c chi phí bán hàng vào TK 911 để tính kết quả kinh doanh trong kì
<b>Σ SPS Nợ</b>		<b>Σ SPS Có</b>
✘		

**Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.9. Kế toán chi phí bán hàng



**1.2.6.3.Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

**Chứng từ sử dụng**

Căn cứ vào các bảng phân bổ ( bảng phân bổ tiền lương, bảng phân bổ vật liệu và CCDC, bảng phân bổ khấu hao TSCĐ), các chứng từ gốc liên quan.

**Tài khoản sử dụng**

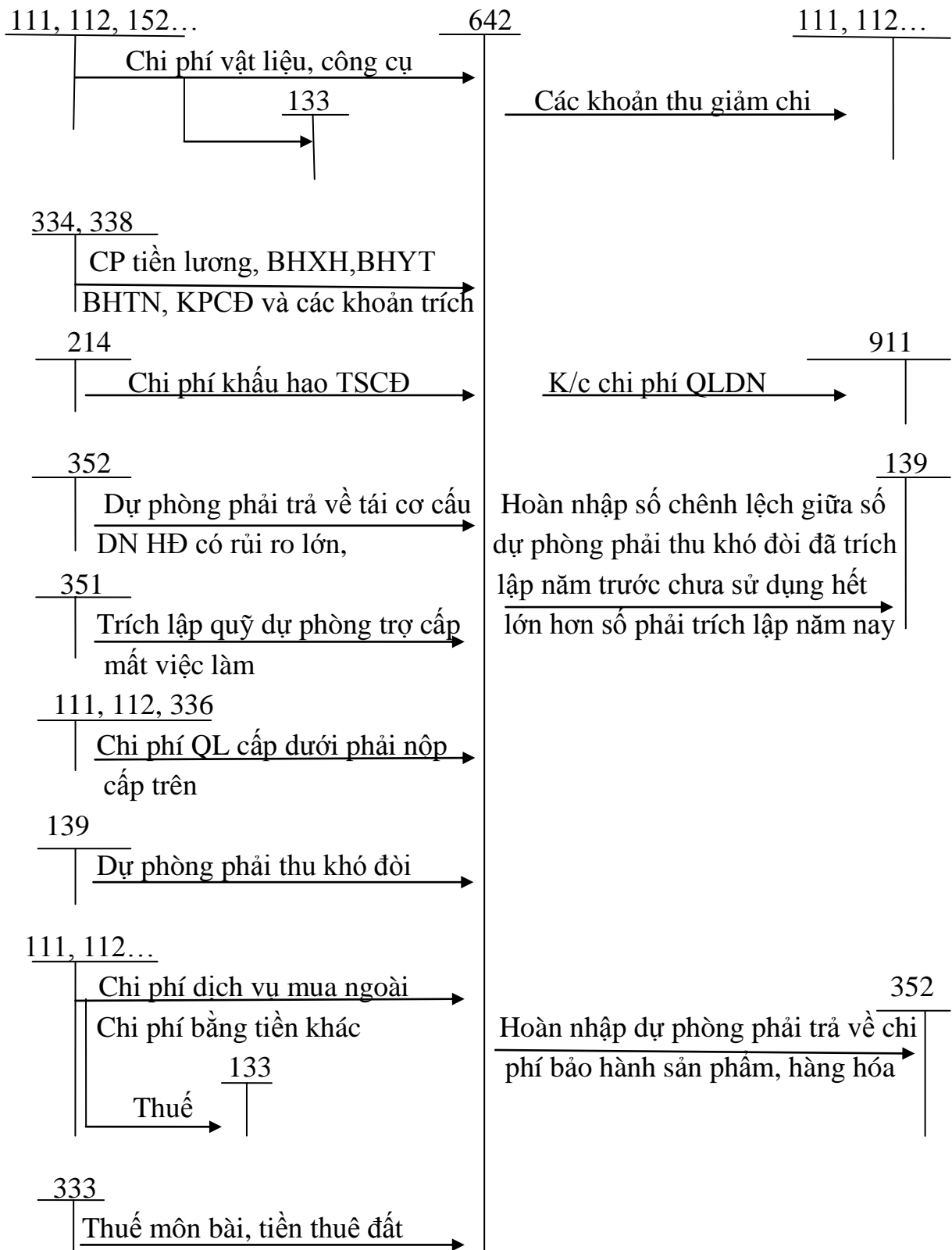
TK 642 “Chi phí quản lí doanh nghiệp”

**Kết cấu tài khoản 642** ( không có số dư cuối kì )

<b>Nợ</b>	<b>642</b>	<b>Có</b>
+ Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kì + Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kì trước chưa sử dụng hết). + Dự phòng trợ cấp thất nghiệp	+ Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK911 để tính kết quả kinh doanh trong kỳ	
<b>Σ SPS Nợ</b>		<b>Σ SPS Có</b>
	×	

**Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.10 : Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp



**1.2.6.4. Kế toán chi phí tài chính**

**Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT, giấy báo nợ
- Và các chứng từ hóa đơn liên quan khác.

**Tài khoản sử dụng**

TK 635 : Chi phí tài chính

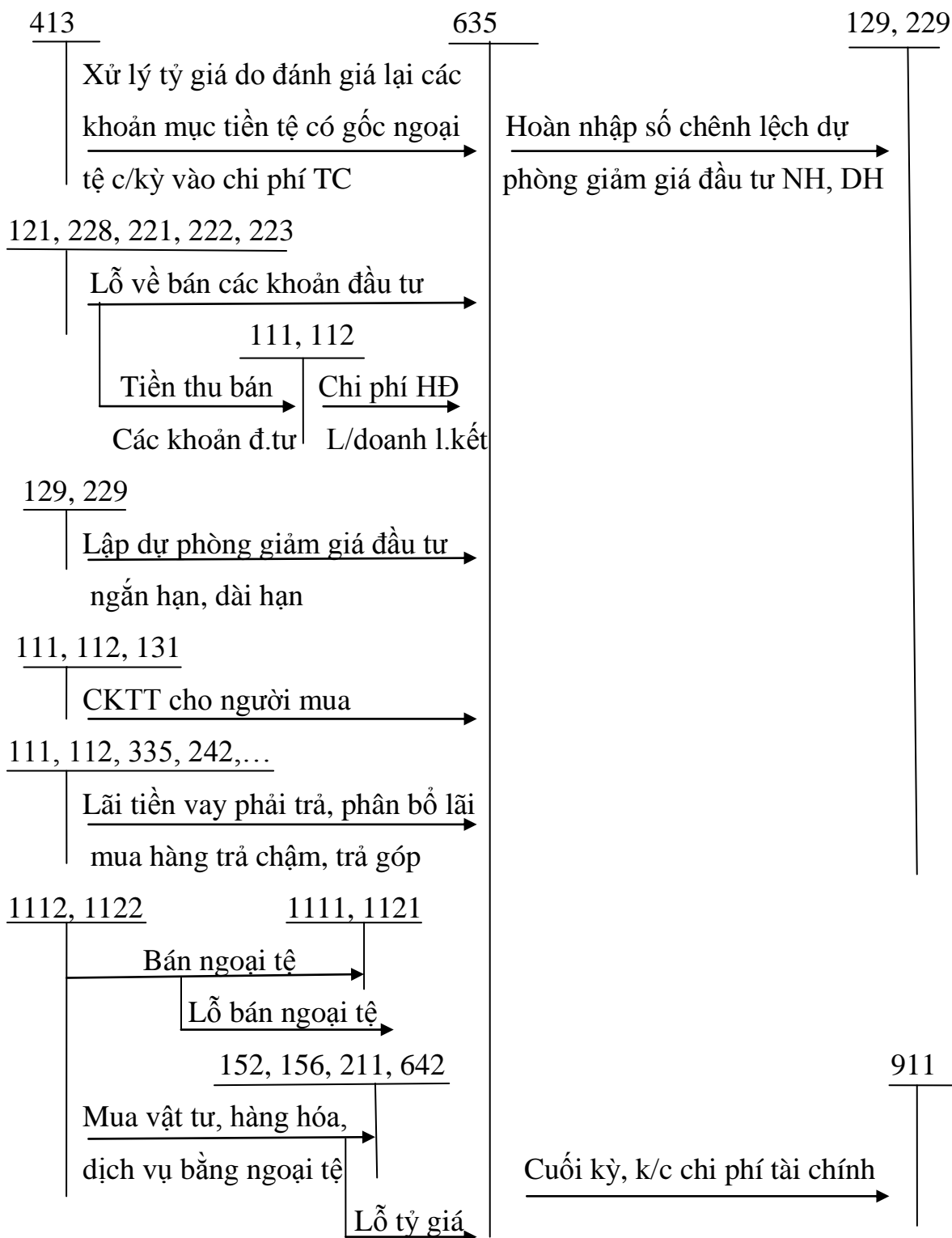
Các tài khoản liên quan : TK 111, 112, 131, 133...

**Kết cấu tài khoản 635 ( Không có số dư cuối kì )**

<b>Nợ</b>	<b>635</b>	<b>Có</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi phí tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi cho thuê tài sản tài chính</li> <li>- Lỗ bán ngoại tệ</li> <li>- Chiết khấu thanh toán cho người mua</li> <li>- Lỗ tỉ giá hối đoái phát sinh trong kì</li> <li>- Lỗ tỉ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ</li> <li>- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán</li> <li>- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỉ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (lỗ tỉ giá giai đoạn trước hoạt động) hoàn thành đầu tư tài chính khác</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)</li> <li>- Cuối kì kế toán k/c toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kì sang TK911 để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.</li> </ul>	
<b>Σ SPS Nợ</b>		<b>Σ SPS Có</b>
✕		

Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.11 : Kế toán chi phí hoạt động tài chính





**1.2.6.5. Kế toán chi phí khác**

**Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Và các chứng từ, hóa đơn liên quan khác.

**Tài khoản sử dụng**

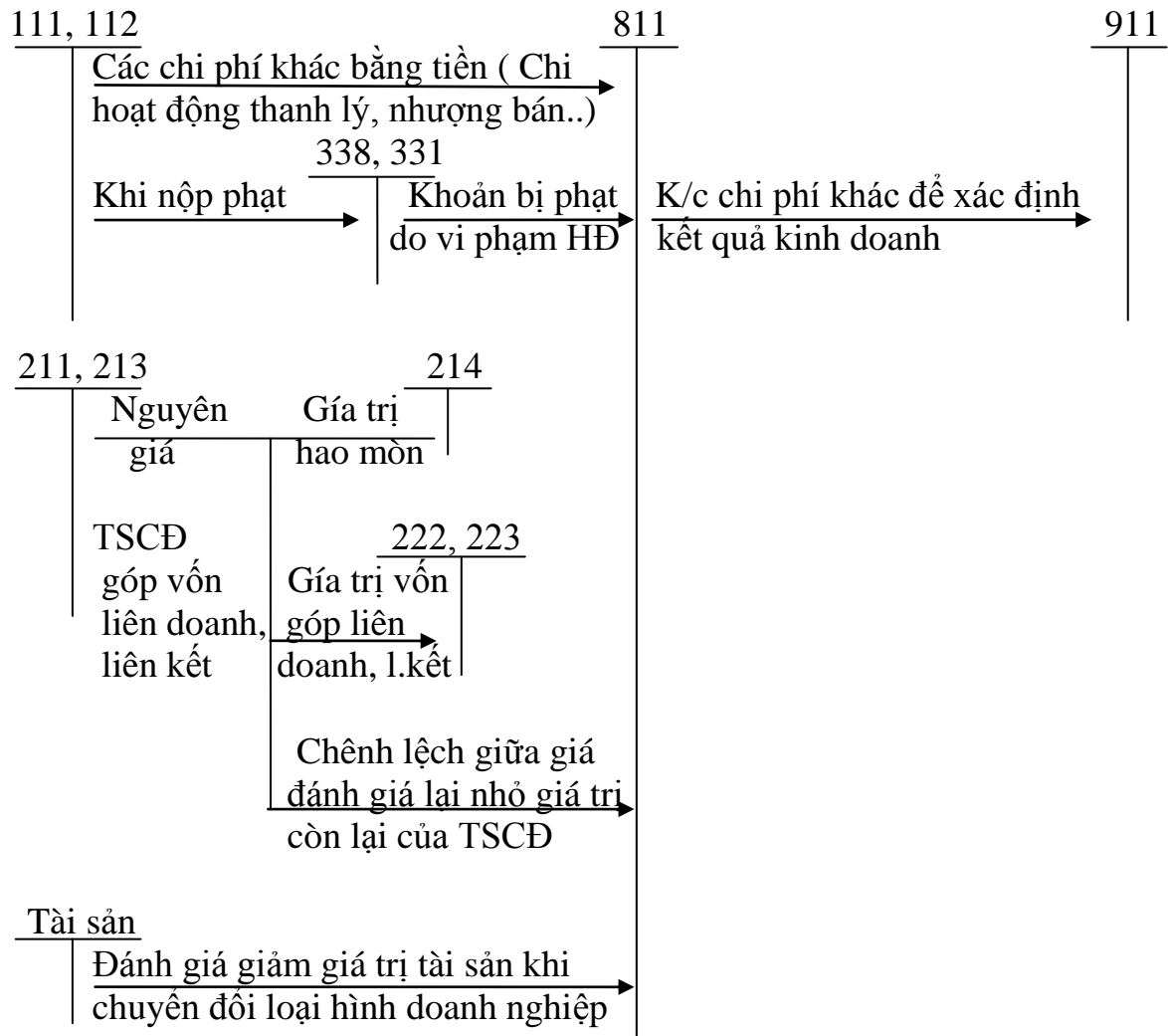
TK 811: Chi phí khác

**Kết cấu tài khoản 811** ( Không có số dư cuối kì )

<b>Nợ</b>	<b>811</b>	<b>Có</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có)</li> <li>- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi do góp vốn liên doanh đầu tư vào Công ty liên kết, đầu tư vào Công ty dài hạn khác</li> <li>- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế</li> <li>- Bị phạt thuế, truy nộp thuế</li> <li>- Các khoản chi phí khác</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cuối kì kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kì vào TK911 để xác định kết quả kinh doanh</li> </ul>
<b>Σ SPS Nợ</b>		<b>Σ SPS Có</b>
	×	

Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1. 12 : Kế toán chi phí khác



**1.2.6.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

**Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán và các chứng từ liên quan khác.

**Tài khoản sử dụng**

TK 821 : Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

**Kết cấu tài khoản 821** ( không có số dư cuối kì )

<b>Nợ</b>	<b>821</b>	<b>Có</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm</li> <li>- Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung</li> <li>- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả</li> <li>- Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại</li> <li>- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên nợ TK 8212 phát sinh trong kì vào bên có TK911 để xác định kết quả kinh doanh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế TNDN hiện hành phải nộp trong năm &lt; số thuế TNDN hiện hành tạm thời phải nộp được giảm trừ vào CP thuế TNDN hiện hành được giảm trừ trong năm</li> <li>- Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu</li> <li>- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại (thuế TN hoãn lại &gt; thuế TN hoàn lại)</li> <li>- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại (thuế TN hoãn lại phải trả được hoàn nhập &gt; thuế TN hoãn lại phải trả phát sinh)</li> <li>- K/c số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm &gt; khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm vào TK 911</li> <li>- K/c chênh lệch giữa số phát sinh nợ TK8212 lớn hơn số phát sinh có TK8212 phát sinh trong kì vào bên nợ TK911.</li> </ul>	
<b>Σ SPS Nợ</b>		<b>Σ SPS Có</b>





**1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

**Chứng từ sử dụng :** Phiếu kế toán, và các chứng từ liên quan khác.

**Tài khoản sử dụng:**TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”,

TK 421 “Lợi nhuận chưa phân phối”,

Các tài khoản khác có liên quan.

**Kết cấu tài khoản 911; 421**

**TK 911** ( Không có số dư cuối kì )

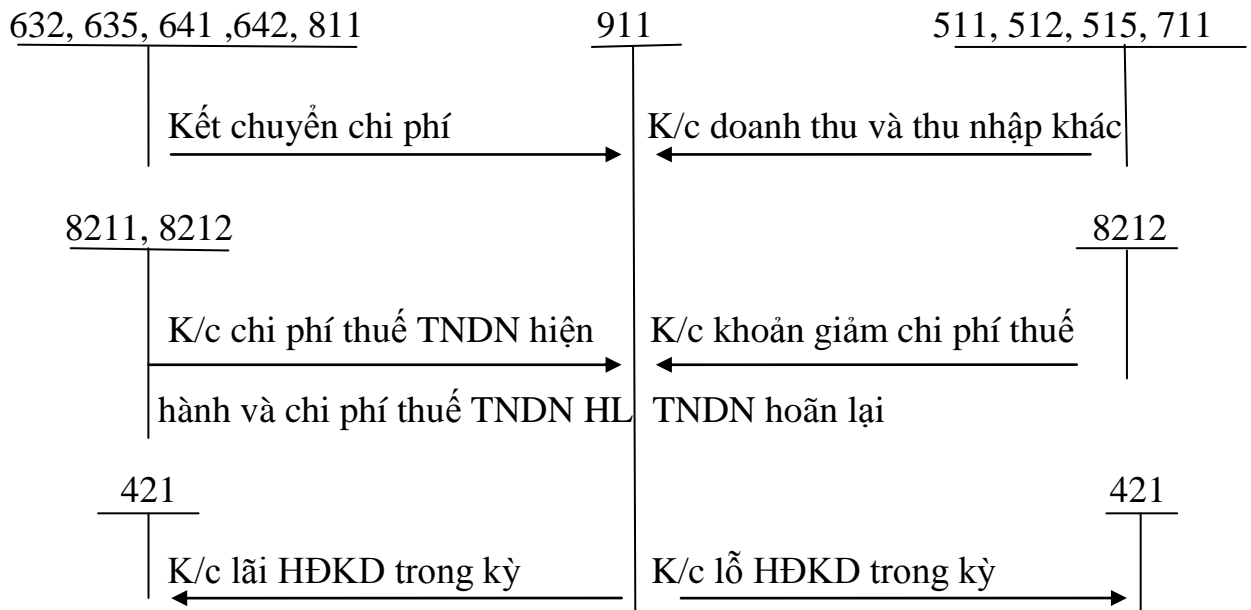
<b>Nợ</b>	<b>911</b>	<b>Có</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.</li> <li>- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác</li> <li>- Chi phí bán hàng và chi phí QLDN</li> <li>- Kết chuyển lãi</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu thuần của sản phẩm, hàng hoá, BĐS đầu tư, dịch vụ đã bán trong kì</li> <li>- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN</li> <li>- Kết chuyển lỗ</li> </ul>
<b>Σ SPS Nợ</b>		<b>Σ SPS Có</b>
×		

**TK 421** ( Có thể có số dư bên nợ hoặc có số dư bên có)

<b>Nợ</b>	<b>421</b>	<b>Có</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của DN</li> <li>- Trích lập các quỹ của DN</li> <li>- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh</li> <li>- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh</li> <li>- Nộp lợi nhuận lên cấp trên</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ</li> <li>- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù</li> <li>- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh</li> </ul>
<b>Σ SPS Nợ</b>		<b>Σ SPS Có</b>
<b>SDCK:</b> Số lỗ về HĐKD chưa xử lí		<b>SDCK:</b> Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng

**Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.14 : Kê toán xác định kết quả kinh doanh



**CHƯƠNG II : TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI  
CÔNG TY TNHH PHÚC TIẾN.**

**2.1. Tổng quan về Công ty TNHH Phúc Tiến**

**2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Phúc Tiến**

Công ty TNHH Phúc Tiến là một doanh nghiệp thương mại hoạt động trong lĩnh vực mua bán dầu nhờn và các sản phẩm liên quan.

Công ty đi vào hoạt động năm 2004.

Tên công ty : Công ty TNHH Phúc Tiến

Địa chỉ: Số 205- Đường 5 A- P.Quán Toan- Hồng Bàng- TP Hải Phòng

Số điện thoại:031.3850.073 - 3215.200

Fax: 031.3749.497 – 3770.658

Giấy phép kinh doanh : 050411; do Sở Kế Hoạch & Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Tài khoản số: 0200101001551 – tại Ngân hàng TM Cổ phần Hàng Hải –HP.

Mã số thuế : 0200424503.

Email : phuctiencompany@gmail.com Website :<http://www.newpt.vn>

Giám đốc công ty :Cử nhân kinh tế : HÀ VĂN PHÚC.

Số điện thoại phòng kế toán: **031.3582.905**

Kết quả hoạt động của công ty trong một số năm gần đây ( 2011 – 2013 )

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Tổng doanh thu	21.000.191.032	30.129.960.997	36.681.861.843
Tổng chi phí	19.354.330.547	28.111.744.621	34.519.150.772
Tổng LNTT	1.645.860.485	2.018.216.376	2.162.711.071
Lợi nhuận sau thuế	1.234.395.364	1.513.662.282	1.622.033.303
Thu nhập BQ	3.000.000	3.500.000	3.850.000

**2.1.2.Đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của công ty TNHH Phúc Tiến.**

**2.1.2.1.Loại hình kinh doanh**

Công ty là một doanh nghiệp thương mại, với các hoạt động chủ yếu là mua bán các sản phẩm dầu nhờn và các sản phẩm có liên quan.

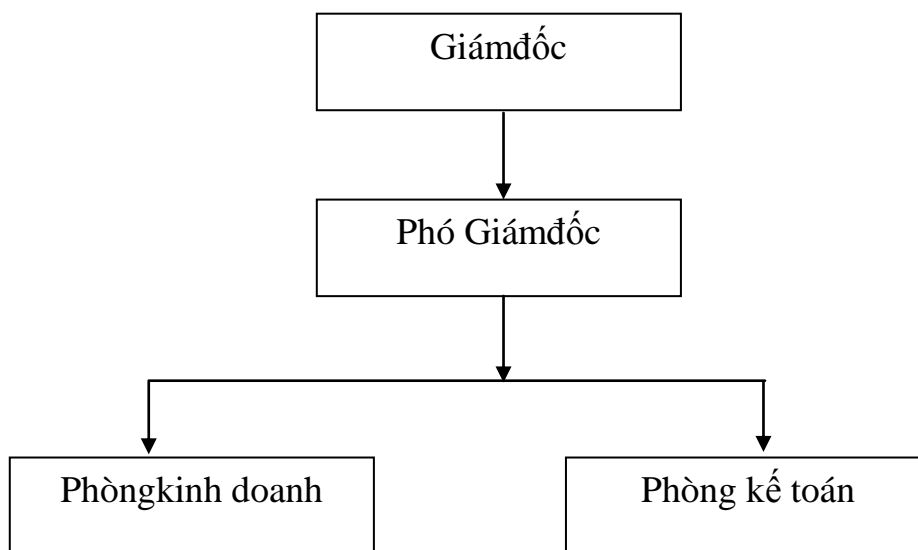
Được thành lập từ năm 2004, do đó công ty vẫn được coi là một doanh nghiệp còn non trẻ . Do đó, phạm vi hoạt động của công ty vẫn còn khá hẹp trong phạm vi thành phố Hải Phòng.

Tuy nhiên, công ty cũng đã đạt được những kết quả đáng khích lệ trong suốt thời gian qua với các nhà cung cấp đáng tin cậy và các khách hàng tiềm năng.

**2.1.2.2. Tổ chức quản lý công ty**

Bộ máy quản lý của công ty TNHH Phúc Tiến được tổ chức theo chế độ một thủ trưởng.Bộ máy quản lý khá đơn giản.Người đứng đầu công ty là giám đốc, tham mưu cho giám đốc là phó giám đốc. Tiếp đến là phòng kinh doanh và phòng kế toán.

Sơ đồ 2.1 : Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý của công ty



**Giám đốc** : Là người lãnh đạo và trực tiếp điều hành mọi hoạt động của công ty. Chịu trách nhiệm trước toàn công ty và pháp luật mọi hoạt động kinh doanh của công ty.

**Phó giám đốc** : Là người giúp việc cho giám đốc trong công tác quản lý và điều hành công ty, thay mặt giám đốc giải quyết mọi công việc trong một số trường hợp giám đốc vắng mặt.



**Phòng Kinh doanh** : Có nhiệm vụ tổ chức hoạt động kinh doanh, chào bán hàng, quảng cáo sản phẩm...

Bao gồm :

+ Trưởng phòng kinh doanh : Phụ trách quản lý hoạt động kinh doanh của công ty, là người đại diện chịu trách nhiệm trước công ty về các hoạt động của phòng kinh doanh, tham mưu cho giám đốc để đưa ra các quyết định kinh doanh cho phù hợp.

+ Phó phòng kinh doanh : Là người hỗ trợ trưởng phòng thực hiện quản lý và đưa ra các kế hoạch kinh doanh sao cho phù hợp với tình hình hoạt động của doanh nghiệp, thay mặt trưởng phòng giải quyết công việc một số trường hợp trưởng phòng vắng mặt.

+ Nhân viên kinh doanh : Phụ trách công tác bán hàng, marketing, tiêu thụ sản phẩm...

**Phòng kế toán** : tham mưu cho giám đốc trong lĩnh vực tài chính, tổ chức điều hành kế toán theo quy định của nhà nước. Ghi chép và phản ánh trung thực về sự biến động hàng hóa trong sản xuất kinh doanh và trong mỗi kỳ hạch toán. Định kỳ lập báo cáo kết quả tài chính của Công ty.

Ngoài những nhiệm vụ được nêu trên, phòng Kế toán còn có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, tổ chức kế hoạch, tổ chức thực hiện và quyết toán các kế hoạch tài chính. Cụ thể là :

+ Lập kế hoạch tài chính, cân đối nguồn vốn đảm bảo cho mọi nhu cầu về vốn phục vụ hoạt động kinh doanh toàn công ty.

+ Thực hiện chế độ ghi chép tính toán, phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời, liên tục và có hệ thống số liệu kế toán về tình hình luân chuyển sử dụng vốn, tài sản cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

+ Tổ chức theo dõi công tác hạch toán chi phí liên quan hoạt động kinh doanh, định kỳ tổng hợp báo cáo chi phí, tham mưu cho giám đốc các biện pháp nhằm giảm chi phí trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Phản ánh chính xác giá trị các loại hàng hóa vật tư, thiết bị... của công ty, giúp giám đốc đưa ra những quyết định phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp một cách chính xác và kịp thời.

+ Chủ trì phối hợp với Phòng kinh doanh thực hiện kiểm tra phân tích hoạt động kinh tế tài chính của công ty trước Đảng ủy và ban giám đốc định kỳ sáu tháng và hàng năm.

+ Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch tài chính toàn công ty. Thông qua công tác quản lý thu chi tài chính, phân phối thu nhập, thực hiện nghĩa vụ nộp NSNN. Đề xuất với Giám đốc các biện pháp phân phối, sử dụng quỹ của công ty. Tổng hợp, phân tích tình hình quản lý sử dụng các quỹ trong năm.

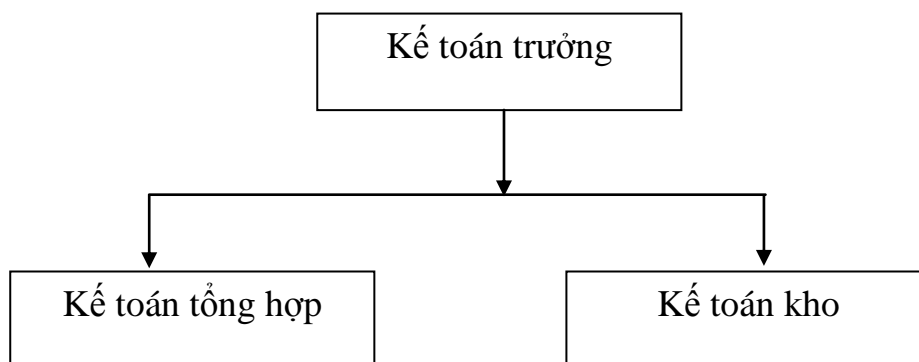
+ Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra nghiệp vụ hạch toán quản lý tài chính một cách thường xuyên, có nề nếp theo đúng các nguyên tắc và chế độ kế toán hiện hành.

### **2.1.2.3. Tổ chức công tác kế toán tại công ty**

Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của công ty :

Bộ máy kế toán là một phần rất quan trọng , không thể thiếu ở bất cứ đơn vị kinh tế hay đơn vị hành chính sự nghiệp nào. Nó giữ vị trí quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Công ty TNHH Phúc Tiến là doanh nghiệp thương mại, do đó bộ máy kế toán của công ty khá đơn giản, phù hợp với lĩnh vực kinh doanh chính của công ty là mua và bán các sản phẩm dầu nhờn.

Sơ đồ 2.2 : Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty :

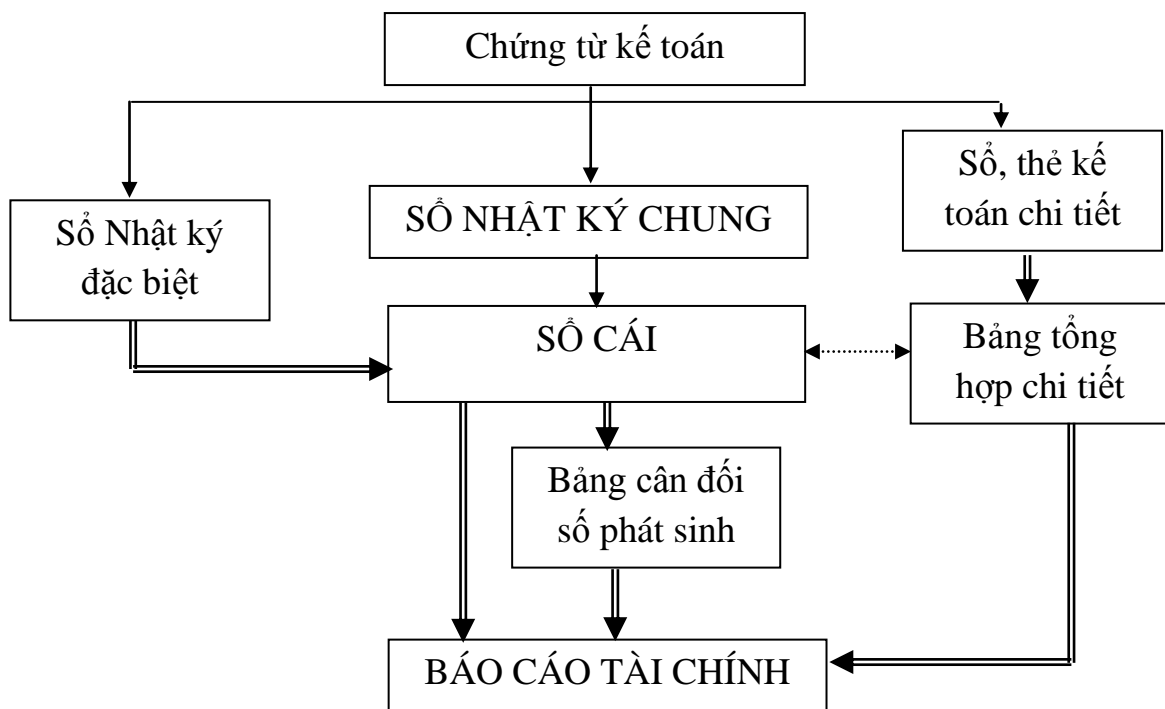


Phù hợp với loại hình hoạt động của công ty, công tác hạch toán kế toán của công ty khá đơn giản, công ty bố trí một kế toán trưởng phụ trách quản lý chung công tác kế toán của công ty, một kế toán kho phụ trách về mảng kho, một kế toán tổng hợp phụ trách tất cả các phần hành kế toán còn lại, theo dõi tình hình tài chính và hoạt động của công ty, phản ánh vào sổ sách kế toán chi tiết theo từng nghiệp vụ phát sinh, giúp kế toán trưởng hoàn thành các BCTC trình lên giám đốc để có định hướng tốt cho công ty ngày càng làm ăn có hiệu quả hơn trong tương lai.

### **2.1.2.4. Hình thức kế toán áp dụng tại công ty**

Kể từ ngày thành lập cho đến nay, công ty áp dụng hình thức sổ Nhật ký chung. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản các nghiệp vụ đó, sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Sơ đồ 2.3 : Sơ đồ luân chuyển chứng từ tại Công ty TNHH Phúc Tiến



**Ghi chú:** Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ

Đối chiếu

Trình tự ghi sổ:

- Hàng ngày, căn cứ và các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan. Nếu như đơn vị kế toán có các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc, ghi vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan và không ghi các nghiệp vụ này vào sổ Nhật ký chung nữa. Định kỳ hoặc cuối tháng, tổng hợp các số liệu từ các sổ Nhật ký đặc biệt này, lấy các số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên sổ Cái, cần chú ý loại bỏ các con số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào các sổ Nhật ký đặc biệt khác nhau.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng các số liệu trên sổ Cái, Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu số liệu trên sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết), các số liệu khớp trên sổ Cái và Bảng tổng hợp này sẽ được dùng làm Báo cáo tài chính. Ngoài ra, đơn vị có thể lập Bảng cân đối số phát sinh dựa vào các số liệu này lấy từ sổ Cái trước khi

lập Báo cáo tài chính, đảm bảo cho việc lập Báo cáo tài chính xảy ra ít sai sót và chính xác hơn.

**2.1.2.5. Hệ thống sổ sách mà công ty đang sử dụng bao gồm**

- Sổ Nhật kí chung.
- Sổ cái các tài khoản.
- Các sổ kế toán chi tiết.
- Các bảng tổng hợp chi tiết.

**2.1.2.6. Hệ thống báo cáo tài chính mà công ty đang sử dụng bao gồm**

- Bảng cân đối kế toán ( mẫu số B01 – DN )
- Báo cáo kết quả kinh doanh ( mẫu số B02 –DN )
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ ( mẫu số B03 –DN )
- Thuyết minh báo cáo tài chính ( mẫu số B09 – DN )

**2.1.2.7. Chế độ kế toán và các phương pháp kế toán áp dụng**

1. Kỳ kế toán : hiện nay, kỳ kế toán của doanh nghiệp được xác định theo từng tháng. Cuối mỗi tháng doanh nghiệp lại tiến hành tổng hợp số liệu để lập các BCTC theo quy định.

Năm kế toán : Bắt đầu từ ngày 01/01 đến 31/12

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đồng Việt Nam.

3. Chế độ kế toán áp dụng : Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ/BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 161/2007/TT – BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính.

4. Hình thức sổ kế toán áp dụng : Sổ nhật kí chung

- Phương pháp tính giá tài sản : Tính giá theo giá thực tế.
- Phương pháp tính giá xuất kho : Phương pháp bình quân gia quyền.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : Phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp tính thuế GTGT : Phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ : Khấu hao TSCĐ tính theo phương pháp đường thẳng. ( Ban hành kèm theo quyết định số 206/2003/QĐ – BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng BTC)

**2.2.Đặc điểm, phân loại hàng hóa, tổ chức kế toán và phương thức thanh toán tại công ty TNHH Phúc Tiến****2.2.1. Đặc điểm hàng hóa tại công ty TNHH Phúc Tiến**

Công ty TNHH Phúc Tiến là đơn vị kinh doanh thương mại không sản xuất sản phẩm, cho nên ở công ty không có thành phẩm, sản xuất tiêu thụ ở công ty là hàng hóa mua từ bên ngoài.

Nội dung kinh doanh chủ yếu của công ty là kinh doanh các loại dầu nhờn và các sản phẩm liên quan. Vì vậy hàng hóa của công ty có đặc điểm :

- Nhập chủ yếu trong nước.
- Có tính lý hóa phức tạp.
- Là đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, mức thuế là 10 %

**2.2.2. Phân loại hàng hóa tại công ty TNHH Phúc Tiến**

Sản phẩm dầu nhờn của công ty có tên gọi chung là dầu nhờn mobil. Dầu nhờn mobil được chia ra làm nhiều sản phẩm với các tên gọi khác nhau :

- Mobil DTE 26
- Mobil Delvu 1300
- Mobil FH 50
- Mobil EP
- Mobil XHP
- Mobil special...

**2.3.Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phúc Tiến****2.3.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**Phương thức bán hàng:** Do sự đa dạng của nền kinh tế thị trường hiện nay, để đáp ứng từng loại khách hàng với những hình thức mua bán khác nhau doanh nghiệp đã áp dụng hai loại hình thức bán hàng đó là bán buôn, bán lẻ.

**Bán buôn**

Là phương thức bán hàng cho các đơn vị thương mại và các doanh nghiệp sản xuất, hàng thường được bán theo lô với số lượng lớn giá biến động tùy thuộc vào khối lượng hàng bán và phương thức thanh toán, có hai loại bán buôn là

*Bán buôn qua kho trực tiếp* : bên mua cử đại diện đến kho của doanh nghiệp để mua hàng, doanh nghiệp xuất kho hàng hóa trực tiếp giao cho đại diện bên mua, sau khi bên mua đã nhận đủ hàng hóa thì thanh toán bằng tiền mặt hoặc chấp nhận nợ, hàng hóa được xác định là tiêu thụ.

*Bán buôn qua kho gián tiếp* : căn cứ vào hợp đồng đã ký kết, đại diện bên doanh nghiệp xuất kho và giao hàng hóa đến tận kho của bên mua hoặc đến nơi theo hợp đồng, chi phí vận chuyển có thể là bên mua hoặc bên bán chịu.

**Bán lẻ**

Là phương thức bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng với số lượng nhỏ, giá bán ít biến động, bán đơn chiếc, thông thường thì doanh nghiệp ít khi bán lẻ.

**Phương thức thanh toán**

Công ty đã thực hiện các phương thức thanh toán hết sức đa dạng, phụ thuộc vào sự thỏa thuận giữa hai bên theo hợp đồng kinh tế đã ký kết bao gồm : Tiền mặt, séc chuyển khoản, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu...

Việc thanh toán có thể là thanh toán ngay hoặc thanh toán chậm sau một thời gian nhất định sau khi người mua nhận được hàng ( thời hạn thanh toán chậm tùy theo hợp đồng quy định và tùy thuộc vào mối quan hệ với khách hàng, tối đa thường từ 40 - 60 ngày ). Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng trong khâu thanh tra đồng thời không gây thiệt hại về kinh tế cho bản thân doanh nghiệp.

Phương thức thanh toán chậm tại công ty chiếm tỷ trọng lớn nhưng để đảm bảo quản lý chặt chẽ các khoản phải thu và không bị chiếm dụng vốn trong hợp đồng kinh tế bao giờ cũng phải xác định rõ thời hạn thanh toán. Tuy nhiên để tránh rủi ro việc bán chịu cũng chỉ được áp dụng với những khách hàng có quan hệ lâu năm, làm ăn lâu dài và có uy tín với công ty.

**Tài khoản sử dụng**

TK 511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Các tài khoản liên quan khác : 3331, 111, 112, 131...

**Chứng từ sử dụng**

Hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên

+ Liên 1 ( màu tím ) : lưu tại phòng tài chính kế toán của công ty.

+ Liên 2 ( màu đỏ ) : giao cho khách hàng.

+ Liên 3 ( màu xanh ) : luân chuyển nội bộ.

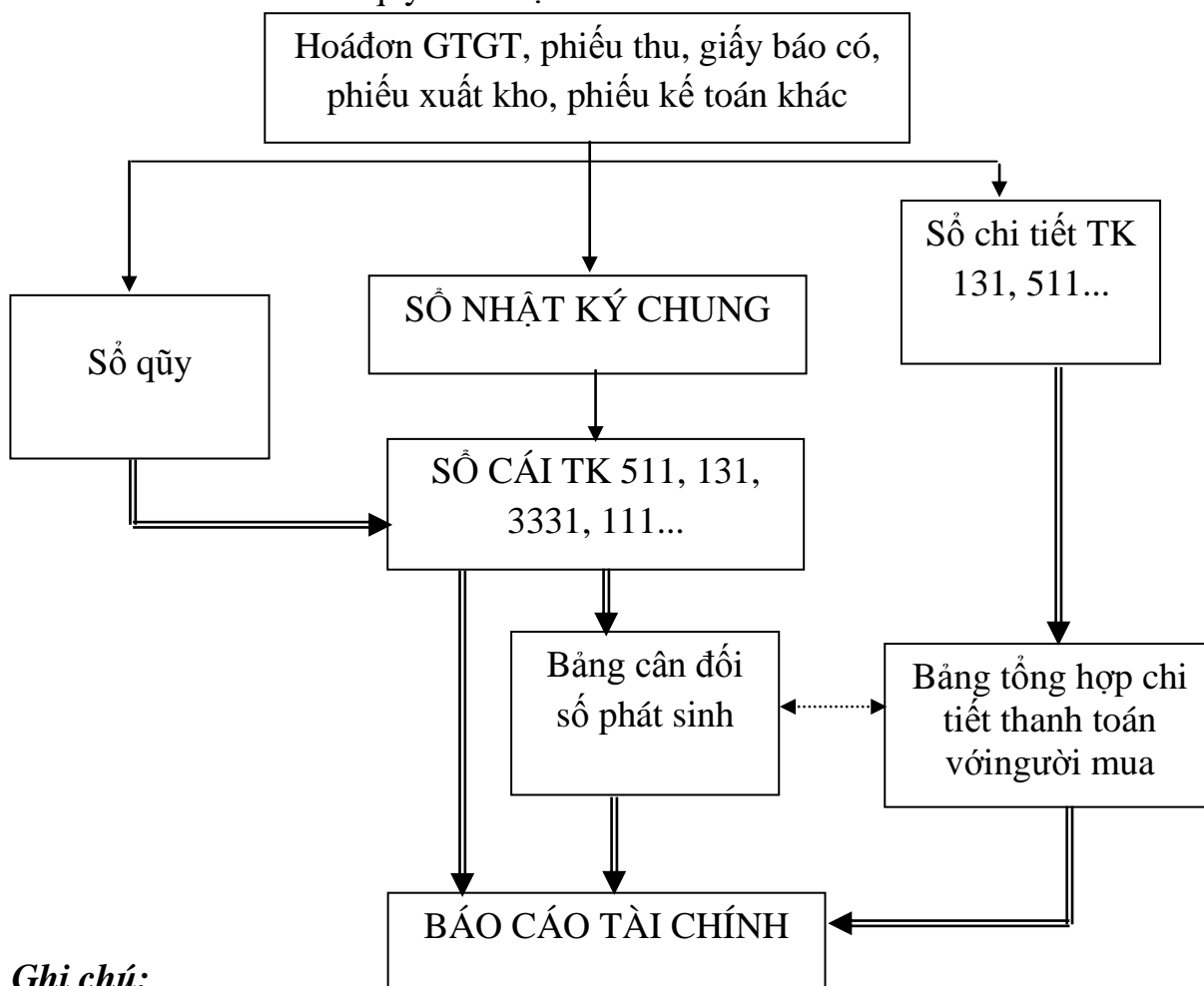
- Giấy báo có của ngân hàng, phiếu thu, các chứng từ khác có liên quan.

**Sổ sách kế toán sử dụng**

- Sổ nhật ký chung, sổ cái các TK 511, 111, 112, 131, 3331, sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết thanh toán với người mua( người bán).

- Bảng tổng hợp thanh toán người mua( người bán), sổ quỹ.

Sơ đồ 2.4: Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ  $\Longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra  $\longleftrightarrow$

**Ví dụ 1:** Nghiệp vụ bán buôn qua kho trực tiếp chưa thanh toán

Ngày 5 tháng 1 năm 2013 bán Mobil ATF – 220 – 1 cho Công ty CP Phát Triển Hàng Hải theo HĐ 0088762 chưa thanh toán với số tiền là 1.782.000 đ (đã bao gồm thuế GTGT 10 %), giá vốn là 1.389.120 đ

Kế toán định khoản doanh thu

Nợ TK 131	1.782.000
Có TK 511	1.620.000
Có TK 3331	162.000

Từ bút toán trên, ghi vào sổ Nhật ký chung đồng thời ghi vào chi tiết TK 131 căn cứ vào sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 511, sổ cái tk 131 và sổ cái TK 333. Cuối quý, căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 lập bảng tổng hợp phải thu của khách hàng, từ sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng tổng hợp chi tiết và bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC

Biểu số 1: Hóa đơn GTGT số 0088762

<b>HOÁ ĐƠN</b> <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> Liên 3: Nội bộ Ngày 5 tháng 1 năm 2013			Mẫu số :01GTKT3/001 Ký hiệu : AA/13P Số: <b>0088762</b>		
Đơn vị bán hàng: <b>Công ty TNHH Phúc Tiến</b> Địa chỉ: Số 205 đường 5A P. Quán Toan, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng Số tài khoản: 0200101001551 Điện thoại: 031.3850.073 <span style="float: right;">MS thuế: 0200424503</span>					
Họ tên người mua hàng: ..... Tên đơn vị: Công ty CP Phát Triển Hàng Hải Địa chỉ: 110 Nguyễn Bình Khiêm - Ngô Quyền - Hải Phòng Số tài khoản: ..... Hình thức thanh toán: <span style="float: right;">MS thuế: 0200580975</span>					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	ATF - 220 - 1	L/can	12	135.000	1.620.000
Cộng tiền hàng:					1.620.000
Thuế GTGT: 10 %      Tiền thuế GTGT:					162.000
Tổng cộng tiền thanh toán					1.782.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng chẵn</i>					
<b>Người mua hàng</b> (Đã ký)		<b>Người bán hàng</b> (Đã ký)		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Đã ký và đóng dấu)	
<i>Cần đối chiếu kiểm tra, lập, giao nhận hóa đơn</i>					



Biểu số 2 : Sổ Nhật ký chung

**CÔNG TY TNHH PHÚC TIẾN**

**Số : 205, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng**

**Mẫu số S03a – DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**NHẬT KÝ CHUNG**

**Năm 2013**

Đơn vị tính : đồng

NT	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT đồng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			Tháng 1/ 2013.						
2/1	PC 01	2/1	Thanh toán tiền mua ấn chỉ			642		290,000	
							1111		290,000
2/1	PT 01	2/1	Điều chỉnh công nợ do bị làm nhầm			1111		66,796,326	
							3311		66,796,326
2/1	PC 02	2/1	Nộp thuế môn bài năm 2012			3338		1,500,000	
							1111		1,500,000
3/1	PX 01	3/1	Xuất bán hàng hóa cho Công ty BIC Việt Nam			632		19,157,280	
			Gía vốn hàng bán				1561		19,157,280
3/1	PT 02	3/1	Doanh thu bán hàng			1111		24,861,840	
							5111		24,861,840
3/1	HD 0088761	3/1	Thuế GTGT đầu ra			1111		2,486,184	
							3331		2,486,184
5/1	PX 02	5/1	Xuất bán hàng hóa cho công ty CP Phát Triển			632		1,389,120	
			Hàng Hải				1561		1,389,120
<b>5/1</b>		<b>5/1</b>	<b>Doanh thu bán hàng</b>			<b>131</b>		<b>1,620,000</b>	

							<b>5111</b>		<b>1,620,000</b>
<b>5/1</b>	<b>HD 0088762</b>	<b>5/1</b>	<b>Thuế GTGT đầu ra</b>			<b>131</b>		<b>162,000</b>	
							<b>3331</b>		<b>162,000</b>
6/1	PC 03	6/1	Nhập kho hàng hóa của Công ty TNHH Trung Hiếu đã trả bằng tiền mặt			1561		22,360,000	
							1111		22,360,000
6/1	HD 0068770	6/1	Thuế GTGT đầu vào			1331		2,236,000	
							1111		2,236,000
6/1	PN 02	6/1	Nhập kho hàng hóa của Công ty CP Dầu Nhòn Quốc Tế Việt Mỹ chưa thanh toán			1561		101,505,336	
							3311		101,505,336
6/1	HD 0065870	6/1	Thuế GTGT đầu vào			1331		10,150,533	
							3311		10,150,533
6/1	PT 03	6/1	Công ty CP Phát Triển Kinh Tế Hải Nam trả trước tiền hàng			1111		9,178,785	
							131		9,178,785
6/1	PC 04	6/1	Nộp tiền vào tài khoản			1121		111,655,869	
							1111		111,655,869
6/1	UNC 01	6/1	Thanh toán tiền mua hàng cho Công ty CP Dầu Nhòn Quốc Tế Việt Mỹ			3311		111,655,869	
							1121		111,655,869
6/1		6/1	Phí chuyển tiền			642		33,497	
							1121		33,497
7/1	PX03	7/1	Xuất bán hàng hóa cho Công ty BIC Việt Nam			632		24,675,200	
							1561		24,675,200
7/1	PT 04	7/1	Doanh thu bán hàng			1111		30,156,000	
							5111		30,156,000
7/1	HD 0088763	7/1	Thuế GTGT đầu ra			1111		3,015,600	
							3331		3,015,600
9/1	PX 04	9/1	Xuất bán hàng hóa cho Công ty TNHH Thương Mại Phúc Lợi			632		53,370,094	
							1561		53,370,094

9/1	PT 05	9/1	Doanh thu bán hàng			1111		64,059,000	
							5111		64,059,000
9/1	HĐ 0088764	9/1	Thuế GTGT đầu ra			1111		6,405,900	
							3331		6,405,900
12/1	PX 05	12/1	Xuất bán hàng hóa cho Chi Nhánh Công ty CP			632		46,953,162	
			Giao Thông Vận Tải Ngoại Thương HP				1561		46,953,162
12/1	PT 06	12/1	Doanh thu bán hàng			1111		62,048,000	
							5111		62,048,000
12/1	HĐ 0088765	12/1	Thuế GTGT đầu ra			1111		6,204,800	
							3331		6,204,800
12/1	PX 06	12/1	Xuất bán hàng hóa cho Công ty TNHH			632		2,426,928	
			Tùng Dũng				1561		2,426,928
12/1	PT 07	12/1	Doanh thu bán hàng			1111		2,796,000	
							5111		2,796,000
12/1	HĐ 0088766	12/1	Thuế GTGT đầu ra			1111		279,600	
							3331		279,600
13/1	PX 07	13/1	Xuất bán hàng hóa cho Công ty TNHH			632		15,257,865	
			Vận Tải Nam Trang				1561		15,257,865
13/1	PT 08	13/1	Doanh thu bán hàng			1111		19,225,920	
							5111		19,225,920
13/1	HĐ 0088767	13/1	Thuế GTGT đầu ra			1111		1,922,592	
							3331		1,922,592
14/1	PX 08	14/1	Xuất bán hàng hóa cho Công ty CP Sao Á			632		35,636,570	
			Giá vốn hàng bán				1561		35,636,570
14/1	PT 09	14/1	Doanh thu bán hàng			1111		46,090,480	
							5111		46,090,480
14/1	HĐ 0088768	14/1	Thuế GTGT đầu ra			1111		4,609,048	
							3331		4,609,048

15/1	PX 09	15/1	Xuất bán hàng hóa cho Công ty Thương Mại và Vận Tải Khánh Phương			632		42,287,720	
							1561		42,287,720
15/1	PT 10	15/1	Doanh thu bán hàng			1111		54,760,000	
							5111		54,760,000
15/1	HD 0088769	15/1	Thuế GTGT đầu ra			1111		5,476,000	
							3331		5,476,000
15/1	PT 11	15/1	Công ty VT Minh Đạt trả nợ tiền hàng			1111		18,000,516	
							131		18,000,516
16/1	PX 10	16/1	Xuất bán hàng hóa cho Công ty TNHH Thương Mại Phúc Lợi			632		23,386,323	
							1561		23,386,323
16/1	PT 12	16/1	Doanh thu bán hàng			1111		30,287,200	
							5111		30,287,200
16/1	HD 0088770	16/1	Thuế GTGT đầu ra			1111		3,028,720	
							3331		3,028,720
19/1	PX 11	19/1	Xuất bán hàng hóa cho Công ty TNHH Thương Mại Phúc Lợi			632		19,647,360	
							1561		19,647,360
19/1	PT 13	19/1	Doanh thu bán hàng			1111		25,056,000	
							5111		25,056,000
19/1	HD 0088771	19/1	Thuế GTGT đầu ra			1111		2,505,600	
							3331		2,505,600
21/1	PX 12	21/1	Xuất bán hàng hóa cho Công ty TNHH Thương Mại Phúc Lợi			632		52,672,360	
							1561		52,672,360
21/1	PT 14	21/1	Doanh thu bán hàng			1111		76,440,000	
							5111		76,440,000
21/1	HD 0088772	21/1	Thuế GTGT đầu ra			1111		7,644,000	
							3331		7,644,000
22/1	PX 13	22/1	Xuất bán hàng hóa cho Công ty TNHH Vận Tải Nam Trang			632		28,794,990	
							1561		28,794,990

22/1	PT 15	22/1	Doanh thu bán hàng			1111		37,048,282	
							5111		37,048,282
22/1	HĐ 0088773	22/1	Thuế GTGT đầu ra			1111		3,704,828	
							3331		3,704,828
22/1	PX 14	22/1	Xuất bán hàng hóa cho Công ty CP Thương Mại Vận Tải Trung Hiếu			632		19,322,142	
							1561		19,322,142
22/1	PT16	22/1	Doanh thu bán hàng			1111		24,268,000	
							5111		24,268,000
22/1	HĐ 0088774	22//1	Thuế GTGT đầu ra			1111		2,426,800	
							3331		2,426,800
22/1	PX 15	22/1	Xuất bán hàng hóa cho Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Vận Tải Xây Dựng Tân Việt			632		20,990,820	
							1561		20,990,820
22/1	PT 17	22/1	Doanh thu bán hàng			1111		25,170,000	
							5111		25,170,000
22/1	HĐ 0088775	22/1	Thuế GTGT đầu ra			1111		2,517,000	
							3331		2,517,000
23/1	PX 16	23/1	Xuất bán hàng hóa cho Công ty TNHH Hồng Tuyền			632		24,556,430	
							1561		24,556,430
23/1	PT 18	23/1	Doanh thu bán hàng			1111		29,535,000	
							5111		29,535,000
23/1	HĐ 0088776	23/1	Thuế GTGT đầu ra			1111		2,953,500	
							3331		2,953,500
23/1	PX 17	23/1	Xuất bán hàng hóa cho Công ty TNHH Thương Mại Phúc Lợi			632		100,603,084	
							1561		100,603,084
23/1	PT 19	23/1	Doanh thu bán hàng			1111		134,130,000	
							5111		134,130,000
23/1	HĐ 0088777	23/1	Thuế GTGT đầu ra			1111		13,413,000	

							3331		13,413,000
24/1	PT 20	24/1	Công ty TNHH VT TM Xuyên Việt trả nợ			1111		14,611,018	
							131		14,611,018
24/1	PX 18	24/1	Xuất bán hàng hóa cho Công ty TNHH			632		22,104,110	
			Một Thành Viên ViCaDi				1561		22,104,110
24/1	PT 21	24/1	Doanh thu bán hàng			1111		26,923,000	
							5111		26,923,000
24/1	HD 0088778	24/1	Thuế GTGT đầu ra			1111		2,692,300	
							3331		2,692,300
31/1	PX 19	31/1	Xuất bán hàng hóa cho khách lẻ			632		1,827,313	
							1561		1,827,313
31/1	PT 22	31/1	Doanh thu bán hàng			1111		2,850,000	
							5111		2,850,000
31/1	HD 0088779	31/1	Thuế GTGT đầu ra			1111		285,000	
							3331		285,000
31/1	BC 01	31/1	Lãi tiền gửi			1121		5,105,619	
							515		5,105,619
31/1	BL T1	31/1	Tính lương phải trả nhân viên tháng 1			641		56,750,000	
							334		56,750,000
31/1	BL T1	31/1	Tính lương phải trả nhân viên tháng 1			642		38,850,000	
							334		38,850,000
31/1	TL T1	31/1	Tính ra các khoản trích lương theo quy định			642		7,463,500	
							338		7,463,500
31/1	TL T1	31/1	Tính ra các khoản trích lương theo quy định			334		3,082,750	
							338		3,082,750
31/1	PC 05	31/1	Thanh toán tiền lương phải trả nhân viên tháng 1			334		92,517,250	
							1111		92,517,250
31/1	BPB 242	31/1	Phân bổ công cụ, dụng cụ tháng 1			641		281,583	

							242		281,583
31/1	BPB 242	31/1	Phân bổ công cụ, dụng cụ tháng 1			642		265,750	
							242		265,750
31/1	PKT01	31/1	Khấu trừ VAT tháng 1			3331		12,386,533	
							1331		12,386,533
31/1	PKT 02	31/1	Kết chuyển doanh thu thuần			5111		717,324,722	
							911		717,324,722
31/1	PKT 03	31/1	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			515		5,105,619	
							911		5,105,619
31/1	PKT 04	31/1	Kết chuyển giá vốn hàng bán			911		555,058,871	
							632		555,058,871
31/1	PKT 05	31/1	Kết chuyển chi phí bán hàng			911		57,031,583	
							641		57,031,583
31/1	PKT 06	31/1	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp			911		46,902,747	
							642		46,902,747
31/1	PKT 07	31/1	Xác định thuế TNDN phải nộp			8211		15,859,285	
							3334		15,859,285
31/1	PKT 08	31/1	Kết chuyển chi phí thuế			911		15,859,285	
							8211		15,859,285
31/1	PKT 09	31/1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế			911		47,577,855	
							421		47,577,855
			Cộng lũy kế					3,491,512,766	3,491,512,766

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

- Ngày mở sổ : ...

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày .... tháng..... năm 2013  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 3 : Sổ cái TK 5111

**CÔNG TY TNHH PHÚC TIỀN**

**Số : 205, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng**

**Mẫu số S03b- DN**

( Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)**

Tháng 1 năm 2013

Tên tài khoản : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu : TK 5111

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SHTK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			<u>Số dư đầu tháng</u>					
3/1	PT 02	3/1	Doanh thu bán hàng			1111		24,861,840
<b>5/1</b>		<b>5/1</b>	<b>Doanh thu bán hàng</b>			<b>131</b>		<b>1,620,000</b>
7/1	PT 04	7/1	Doanh thu bán hàng			1111		30,156,000
9/1	PT 05	9/1	Doanh thu bán hàng			1111		64,059,000
12/1	PT 06	12/1	Doanh thu bán hàng			1111		62,048,000
12/1	PT 07	12/1	Doanh thu bán hàng			1111		2,796,000
13/1	PT 08	13/1	Doanh thu bán hàng			1111		19,225,920
14/1	PT 09	14/1	Doanh thu bán hàng			1111		46,090,480
15/1	PT 10	15/1	Doanh thu bán hàng			1111		54,760,000



16/1	PT 12	16/1	Doanh thu bán hàng			1111		30,287,200
19/1	PT 13	19/1	Doanh thu bán hàng			1111		25,056,000
21/1	PT 14	21/1	Doanh thu bán hàng			1111		76,440,000
22/1	PT 15	22/1	Doanh thu bán hàng			1111		37,048,282
22/1	PT16	22/1	Doanh thu bán hàng			1111		24,268,000
22/1	PT 17	22/1	Doanh thu bán hàng			1111		25,170,000
23/1	PT 18	23/1	Doanh thu bán hàng			1111		29,535,000
23/1	PT 19	23/1	Doanh thu bán hàng			1111		134,130,000
24/1	PT 21	24/1	Doanh thu bán hàng			1111		26,923,000
31/1	PT 22	31/1	Doanh thu bán hàng			1111		2,850,000
31/1	PKT 02	31/1	Kết chuyển doanh thu thuần			911	717,324,722	
			Cộng SPS tháng 1				717,324,722	717,324,722
			<u>Số dư cuối tháng</u>					

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

- Ngày mở sổ : ...

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kê toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày .... tháng..... năm 2013  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 4 : Sổ cái TK 131

**CÔNG TY TNHH PHÚC TIẾN**

**Số : 205, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng**

**Mẫu số S03b- DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật kí chung)

Tháng 1 năm 2013

Tên tài khoản : Phải thu của khách hàng

Số hiệu : TK 131

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SHTK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng				187,083,778	
5/1		5/1	<b>Doanh thu bán hàng</b>			<b>5111</b>	<b>1,620,000</b>	
5/1	<b>HD 0088762</b>	5/1	<b>Thuế GTGT đầu ra</b>			<b>3331</b>	<b>162,000</b>	
6/1	PT 03	6/1	Công ty CP Phát Triển Kinh Tế Hải Nam			1111		9,178,785
			trả trước tiền hàng					
15/1	PT 11	15/1	Công ty VT Minh Đạt trả nợ tiền hàng			1111		18,000,516
24/1	PT 20	24/1	Công ty TNHH VT TM Xuyên Việt trả nợ			1111		14,611,018
			Cộng SPS trong tháng 1				1,782,000	41,790,319
			Số dư cuối tháng				147,075,459	

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

- Ngày mở sổ : ...

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày .... tháng..... năm 2013  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 5 : Sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán)

**CÔNG TY TNHH PHÚC TIẾN**

**Số : 205, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng**

**Mẫu số S32 – DN**

( Ban hành theo QĐ số 15/2006/Q - BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA ( NGƯỜI BÁN )**

( Dùng cho TK : 131, 331 )

Tài khoản : 131

Đối tượng : Công ty Cổ Phần Phát Triển Hàng Hải

Loại tiền : VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Thời hạn được CK	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kì</u>					=	
			Số phát sinh trong kì						
<b>5/1</b>		<b>5/1</b>	<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>5111</b>		<b>1,620,000</b>		<b>1,620,000</b>	
<b>5/1</b>	<b>HD 0088762</b>	<b>5/1</b>	<b>Thuế GTGT đầu ra</b>	<b>3331</b>		<b>162,000</b>		<b>1,782,000</b>	
			Cộng SPS			1,782,000	=		
			<u>Số dư cuối kì</u>					<u>1,782,000</u>	

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

- Ngày mở sổ : ...

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Ngày .... tháng..... năm 2013  
Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Biểu số 6 : Bảng tổng hợp thanh toán với người mua ( người bán)

**CÔNG TY TNHH PHÚC TIẾN**

**Số : 205, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng**

**BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA ( NGƯỜI BÁN )**

Tài khoản : Phải thu của khách hàng

Số hiệu : 131

Tháng 1 năm 2013

STT	Tên khách hàng	SDDK		SPS trong kì		SDCK	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Cty CP bia và nước giai khát Hạ Long	187,083,778				187,083,778	
2	Cty CP Phát Triển Hàng Hải	—		1,782,000		1,782,000	
3	Cty CP Phát Triển Kinh Tế Hải Nam	—			9,178,785		9,178,785
4	Cty VT Minh Đạt	—			18,000,516		18,000,516
5	Cty TNHH VTTM Xuyên Việt	—			14,611,018		14,611,018
	<b>Cộng</b>	187,083,778		1,782,000	41,790,319	188,865,778	41,790,319

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

- Ngày mở sổ : ...

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày .... tháng..... năm 2013  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**2.3.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

**Đặc điểm kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong năm của công ty là những khoản thu về lãi tiền gửi ngân hàng.

**Tài khoản sử dụng**

TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính

**Chứng từ sử dụng**

Giấy báo có của ngân hàng

Sổ phụ

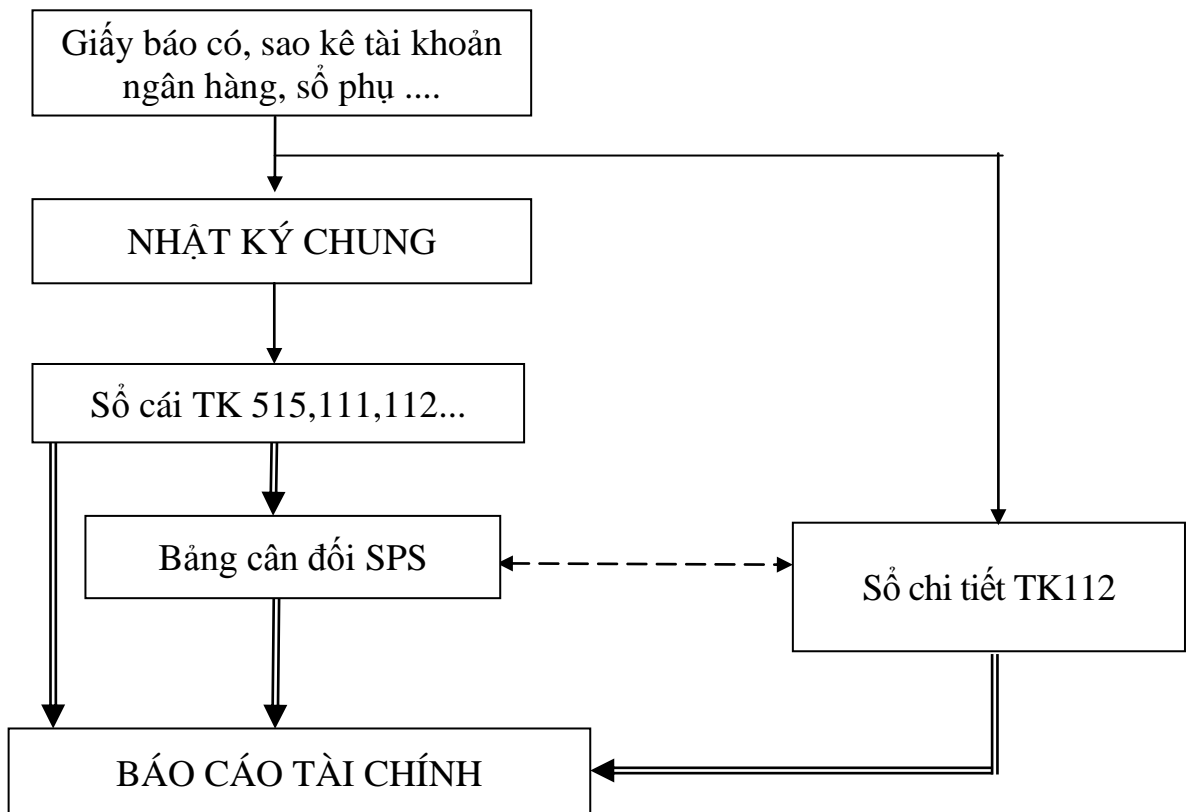
**Sổ sách kế toán sử dụng**

Sổ nhật kí chung

Sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng

Sổ cái TK 515, 112

**Sơ đồ 2.5 : Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính**



**Ghi chú:** Ghi hàng ngày →  
 Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>  
 Đối chiếu, kiểm tra <-.....->



Biểu số 8 : Giấy báo có

NGÂN HÀNG TM CỔ PHẦN HÀNG HẢI – HP

Mã GDV : BATCH

MARITIME BANK Mã KH : 10366

**GIẤY BÁO CÓ**

SỐ : 01

Ngày 31/01/2013

SỐ GD : 0

Kính gửi : CÔNG TY TNHH PHÚC TIẾN

Hôm nay, chúng tôi xin báo CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau  
:

Số tài khoản ghi CÓ : 0200101001551

Số tiền bằng số : 5,105,619

Số tiền bằng chữ : Năm triệu một trăm linh năm nghìn sáu trăm mười chín  
đồng chẵn

Nội dung : ## LÃI NHẬP GỐC ##

**GIAO DỊCH VIÊN**

**KIỂM SOÁT**

Biểu số 9 : Trích sổ nhật ký chung

**CÔNG TY TNHH PHÚC TIẾN**

Số : 205, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

**Mẫu số S03a – DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2013

Đơn vị tính : đồng

NT	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			Tháng 1/ 2013.						
2/1	PC 01	2/1	Thanh toán tiền mua ấn chỉ			642		290,000	
							1111		290,000
2/1	PT 01	2/1	Điều chỉnh công nợ do bị làm nhầm			1111		66,796,326	
							3311		66,796,326
			.....						
<b>31/1</b>	<b>BC01</b>	<b>31/1</b>	<b>Lãi tiền gửi</b>			<b>1121</b>		<b>5,105,619</b>	
							<b>515</b>		<b>5,105,619</b>
			.....						
			Cộng lũy kế					3,491,512,766	3,491,512,766

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

- Ngày mở sổ : ...

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày .... tháng..... năm 2013  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Biểu số 10 : Sổ cái TK 515

**CÔNG TY TNHH PHÚC TIỀN**

**Số : 205, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng**  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**Mẫu số S03b- DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật kí chung)

Tháng 1 năm 2013

Tên tài khoản : Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu : TK 515

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SHTK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			<u>Số dư đầu tháng</u>					
31/1	BC 01	31/1	Lãi tiền gửi			1121		5,105,619
31/1	PKT 03	31/1	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			911	5,105,619	
			Cộng SPS tháng 1				5,105,619	5,105,619
			<u>Số dư cuối tháng</u>					

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

- Ngày mở sổ : ...

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày .... tháng..... năm 2013  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**2.3.3 Kế toán chi phí tại Công ty TNHH Phúc Tiến**

Trong tháng 1 năm 2013, công ty TNHH Phúc Tiến có phát sinh chi phí giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

**2.3.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán****Đặc điểm kế toán giá vốn hàng bán**

Công ty tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

$$\text{Đơn giá xuất kho hàng hoá} = \frac{\text{Giá trị thực tế của hàng hoá tồn đầu tháng} + \text{Giá trị thực tế của hàng hoá nhập trong tháng}}{\text{Số lượng hàng hoá tồn đầu tháng} + \text{Số lượng hàng hoá nhập trong tháng}}$$

**Tài khoản sử dụng**

TK 632 : Giá vốn hàng bán

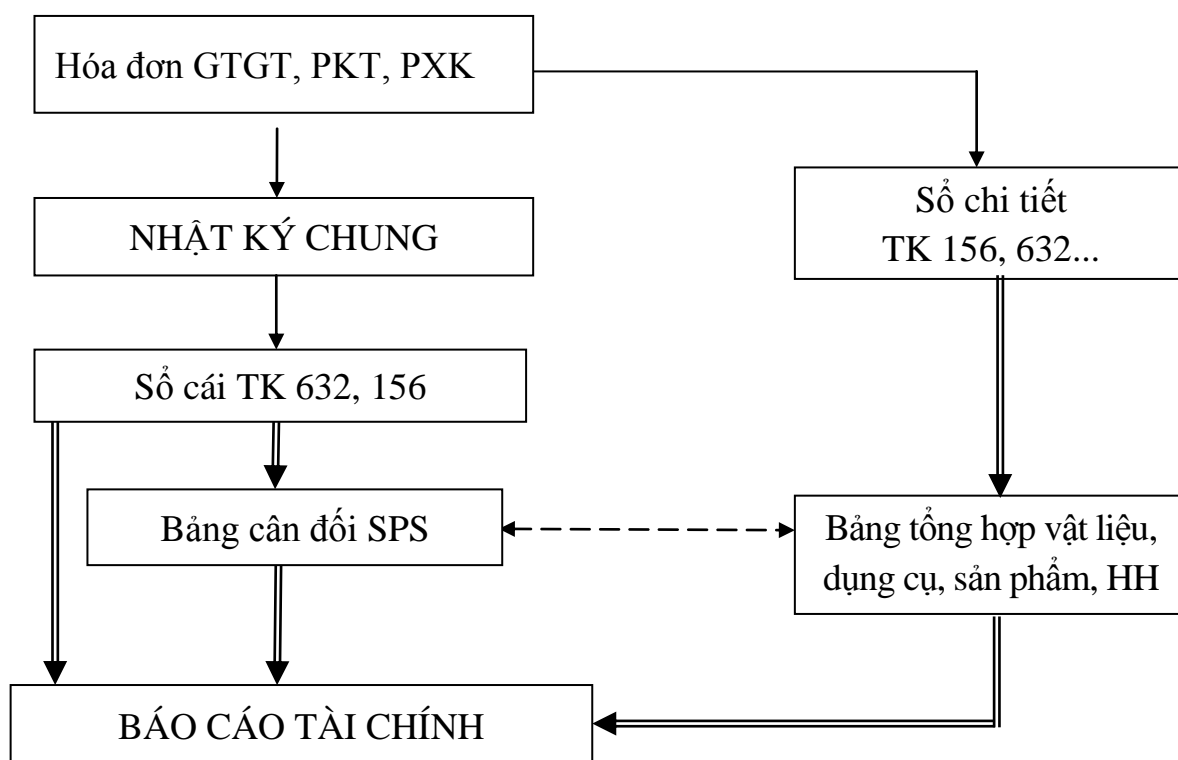
**Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

**Sổ sách kế toán sử dụng**

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 632, 156...
- Sổ chi tiết giá vốn hàng bán
- Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa
- Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.
- Thẻ kho

Sơ đồ 2.6 : Sơ đồ Quy trình hạch toán giá vốn



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>

Đối chiếu, kiểm tra <----->

**Ví dụ 1 :** Nghiệp vụ bán buôn qua kho trực tiếp chưa thanh toán

Ngày 5 tháng 1 năm 2013 bán Mobil ATF – 220 – 1 cho Công ty CP Phát Triển Hàng Hải theo HĐ 0088762 chưa thanh toán với số tiền là 1.782.000 đ ( đã bao gồm thuế GTGT 10 % ), giá vốn là 1.389.120 đ

Kế toán định khoản giá vốn

Nợ TK 632	1.389.120
Có TK 156	1.389.120

Căn cứ vào phiếu xuất kho và bảng kê xuất- nhập- tồn kho thành phẩm, kế toán lập phiếu kế toán số 02 xác định giá vốn hàng bán và tiến hành ghi sổ nhật ký chung, sổ cái TK 632. Cuối kỳ, kế toán đối chiếu sổ cái và các chứng từ liên quan để lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

Biểu số 11: Phiếu xuất kho số 02

**Đơn vị :** Công ty TNHH Phúc Tiên  
**Địa chỉ :** Số 205 Quán Toan, HB, HP

**Mẫu số : 02-VT**  
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**PHIẾU XUẤT KHO**

*Ngày 5 tháng 1 năm 2013*  
Số: 02

Nợ:  
Có:

- Họ tên người nhận hàng: Công ty CP Phát triển Hàng Hải
- Địa chỉ (bộ phận): .....
- Lý do xuất kho: Xuất bán
- Xuất tại kho (Ngăn lô): Công ty
- Địa điểm: .....

STT	Tên hàng	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị	Thành tiền	Ghi chú
1	ATF - 220 - 1		lít/can	12	115.760	1.389.120	
2							
	<b>Cộng</b>					1.389.120	

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Một triệu ba trăm tám mươi chín nghìn một trăm hai mươi đồng

KT trưởng      Thủ kho      Người nhận      P.T cung tiêu      Thủ trưởng ĐV

Biểu số 12: Bảng tổng hợp TK 156

**CÔNG TY TNHH PHÚC TIẾN**

**Số : 205, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng**

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ ( SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)**

SHTK : 156

Tên tài khoản : Hàng hóa

Tháng 1 năm 2013.

TT	Tên hàng	Đơn vị	Đơn giá	Tồn đầu kỳ		Nhập		Xuất		Tồn cuối kỳ	
				SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT
1	Mobil DTE 26	L/phi		-	-					-	-
2	Mobil Delvu 1300	L/ phi	59,500	208	12,376,000					208	12,376,000
3	Mobil FH 50 (18)	L/can	52,050	72	3,747,600					72	3,747,600
4	Mobil FH 50	L/ phi	51,194	1,406	71,978,764					1,406	71,978,764
5	Mobil EP2- 15	Kg	120,563	75	9,042,225					75	9,042,225
6	Mobil EP3 - 15	Kg	124,897	43	5,391,898	120	14,966,280	159	19,858,623	4	499,555
7	Mobil XHP 20w50- 4	L/can	98,038	302	29,607,476			268	26,274,184	34	3,333,292
8	Mobil special 20w50	L/phi	82,912	416	34,491,392					416	34,491,392
9	Mobil special 20w50 -4	L/can	101,395	624	63,181,872	80	8,200,000	598	60,634,210	106	10,747,662
10	Mobil special 20w40 -1	L/can	99,397	36	3,578,292					36	3,578,292
11	Mobil super 20w50	L/phi	101,293	624	62,977,200	416	42,367,936	1,040	105,344,720	-	416

12	Mobil super 20w50 -0.8	L/can	81,738	504	41,195,952			18	1,471,284	486	39,724,668
13	Mobil super 20w40 -0.8	L/can	79,637	2,400	191,128,800			12	955,644	2,388	190,173,156
14	Mobil super 20w50 -1	L/can	90,960	216	19,647,360			216	19,647,360	-	-
15	Mobil Delvac 1150- 18	L/can	80,163	576	46,173,888			490	39,279,870	86	6,894,018
16	Mobil Delvac 1150- 5	L/can	99,521	370	36,131,240	200	20,596,000	390	38,813,190	180	17,914,050
17	Mobil Delvac 1150	L/phi	77,819	2,996	233,145,724			398	30,971,962	2,598	202,173,762
18	Mobil Delvac 1300 -18	L/can	84,753	1,116	94,584,348			554	46,953,162	562	47,631,186
19	Mobil Delvac 1300 -5	L/can	84,101	200	16,820,200					200	16,820,200
20	Mobil Delvac 1300	L/phi	79,822	2,949	235,395,078			742	59,227,924	2,207	176,167,154
21	Mobil Delvac 1340	L/phi	107,500			208	22,360,000	208	22,360,000	-	-
22	Mobil Delvac MX	L/phi	79,901	97	7,750,397			95	7,590,595	2	159,802
23	Mobil Delvac MX -5	L/can	83,237	80	6,658,960			14	1,165,318	66	5,493,642
24	Mobilube HD 80w90- 4	L/phi	84,334	184	15,517,456					184	15,517,456
25	Mobilube HD 80w90	L/phi		-	-					-	-

**Khoá luận tốt nghiệp****Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng**

26	Mobilube HD 85w140- 4	L/can	85,916	308	26,462,128			164	14,090,224	144	12,371,904
27	Mobilube HD 85w140	L/phi	80,087	1,051	84,171,437			658	52,697,246	393	31,474,191
28	Mobil Brakefluid- 0.5	L/can	154,058	24	3,697,392					24	3,697,392
29	ATF- 220- 1	L/can	115,760	114	13,974,804	120	15,375,120	61	7,061,360	173	22,288,564
30	Mobil Extra- 1	L/can	95,693	120	11,483,160					120	11,483,160
31	ATF- D2- 1	L/can	98,451	79	7,777,629					79	7,777,629
32	Coolant Esso- 1	L/can	123,636	6	741,816					6	741,816
33	Mobil 10w40- 1	L/can	227,831	12	2,733,972					12	2,733,972
34	Mobil 10w40- 4	L/can	217,933	16	3,486,928					16	3,486,928
35	Mobil Coolant ready mix- 1	L/can	132,399	48	6,355,152			5	661,995	43	5,693,157
36	ATF- 3- 20	L/can		-	-					-	-
	<b>TỔNG CỘNG</b>				1,401,406,540		123,865,336		555,058,871		970,213,005

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày .... tháng..... năm 2013  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 13 : Trích sổ nhật ký chung

**CÔNG TY TNHH PHÚC TIẾN**

**Số : 205, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng**

**Mẫu số S03a – DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**NHẬT KÝ CHUNG**

**Năm 2013**

Đơn vị tính : đồng

NT	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT đồng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			Tháng 1/ 2013.						
2/1	PC 01	2/1	Thanh toán tiền mua ấn chỉ			642		290,000	
							1111		290,000
2/1	PT 01	2/1	Điều chỉnh công nợ do bị làm nhầm			1111		66,796,326	
							3311		66,796,326
2/1	PC 02	2/1	Nộp thuế môn bài năm 2012			3338		1,500,000	
							1111		1,500,000
			.....						
<b>5/1</b>	<b>PX 02</b>	<b>5/1</b>	<b>Xuất bán hàng hóa cho công ty CP Phát Triển</b>			<b>632</b>		<b>1,389,120</b>	
			<b>Hàng Hải</b>				<b>1561</b>		<b>1,389,120</b>
5/1		5/1	Doanh thu bán hàng			131		1,620,000	
							5111		1,620,000
5/1	HĐ0088762	5/1	Thuế GTGT đầu ra			131		162,000	
							3331		162,000
6/1	PC 03	6/1	Nhập kho hàng hóa của Công ty TNHH			1561		22,360,000	
			Trung Hiếu đã trả bằng tiền mặt				1111		22,360,000
			.....						
31/1	PKT 09	31/1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế			911		47,577,855	
							421		47,577,855
			Cộng lũy kế					3,491,512,766	3,491,512,766

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

- Ngày mở sổ : ...

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày .... tháng..... năm 2013  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Biểu số 14: Trích sổ cái TK 632

**CÔNG TY TNHH PHÚC TIẾN**

**Số : 205, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng**

**Mẫu số S03b- DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật kí chung)

Tháng 1 năm 2013

Tên tài khoản : Giá vốn hàng bán

Số hiệu : TK 632

Số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SHTK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			<b>Số dư đầu tháng</b>					
3/1	PX 01	3/1	Xuất bán hàng hóa cho Công ty BIC Việt Nam			1561	19,157,280	
<b>5/1</b>	<b>PX 02</b>	<b>5/1</b>	<b>Xuất bán hàng hóa cho công ty CP Phát Triển</b>			<b>1561</b>	<b>1,389,120</b>	
			<b>Hàng Hải</b>					
7/1	PX03	7/1	Xuất bán hàng hóa cho Công ty BIC Việt Nam			1561	24,675,200	
9/1	PX 04	9/1	Xuất bán hàng hóa cho Công ty TNHH			1561	53,370,094	
			<b>Thương Mại Phúc Lợi</b>					
12/1	PX 05	12/1	Xuất bán hàng hóa cho Chi Nhánh Công ty CP			1561	46,953,162	
			<b>Giao Thông Vận Tải Ngoại Thương HP</b>					
12/1	PX 06	12/1	Xuất bán hàng hóa cho Công ty TNHH			1561	2,426,928	
			<b>Tùng Dũng</b>					
13/1	PX 07	13/1	Xuất bán hàng hóa cho Công ty TNHH			1561	15,257,865	
14/1	PX 08	14/1	Xuất bán hàng hóa cho Công ty CP Sao Á			1561	35,636,570	
15/1	PX 09	15/1	Xuất bán hàng hóa cho Công ty Thương Mại			1561	42,287,720	
			<b>và Vận Tải Khánh Phương</b>					
16/1	PX 10	16/1	Xuất bán hàng hóa cho Công ty TNHH			1561	23,386,323	

			Thương Mại Phúc Lợi					
19/1	PX 11	19/1	Xuất bán hàng hóa cho Công ty TNHH			1561	19,647,360	
			Thương Mại Phúc Lợi					
21/1	PX 12	21/1	Xuất bán hàng hóa cho Công ty TNHH			1561	52,672,360	
			Thương Mại Phúc Lợi					
22/1	PX 13	22/1	Xuất bán hàng hóa cho Công ty TNHH			1561	28,794,990	
			Vận Tải Nam Trang					
22/1	PX 14	22/1	Xuất bán hàng hóa cho Công ty CP			1561	19,322,142	
			Thương Mại Vận Tải Trung Hiếu					
22/1	PX 15	22/1	Xuất bán hàng hóa cho Công ty TNHH Thương			1561	20,990,820	
			Mại và Dịch Vụ Vận Tải Xây Dựng Tân Việt					
23/1	PX 16	23/1	Xuất bán hàng hóa cho Công ty TNHH			1561	24,556,430	
			Hồng Tuyển					
23/1	PX 17	23/1	Xuất bán hàng hóa cho Công ty TNHH			1561	100,603,084	
			Thương Mại Phúc Lợi					
24/1	PX 18	24/1	Xuất bán hàng hóa cho Công ty TNHH			1561	22,104,110	
			Một Thành Viên ViCaDi					
31/1	PX 19	31/1	Xuất bán hàng hóa cho khách lẻ			1561	1,827,313	
31/1	PKT 04	31/1	Kết chuyển giá vốn hàng bán			911		555,058,871
			Cộng SPS tháng 1				555,058,871	555,058,871
			<u>Số dư cuối tháng</u>					

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

- Ngày mở sổ : ...

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kê toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày .... tháng..... năm 2013  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**2.3.3.2. Kế toán chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng bao gồm : Chi phí tiền lương cho nhân viên bán hàng, chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ bộ phận bán hàng, chi phí khuyến mại...

Đề tập hợp chi phí bán hàng, công ty sử dụng TK 641

- Quy trình hạch toán : Khi có chi phí bán hàng phát sinh, kế toán căn cứ vào chứng từ gốc để vào sổ sách.

- Nếu là lương nhân viên bán hàng : căn cứ vào bảng chấm công, bảng thanh toán lương.

- Nếu là chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ cho bộ phận bán hàng : Căn cứ vào bảng tính và bảng phân bổ khấu hao.

- Nếu là chi phí khác bằng tiền phục vụ cho hoạt động bán hàng : Căn cứ vào HĐ GTGT.

**Ví dụ 3** : Ngày 31/ 1/ 2013 , tính lương phải trả cho nhân viên bán hàng tháng 1, số tiền là 56.750.000 ( BL T1)

Kế toán định khoản

Nợ TK 641	56.750.000
Có TK 334	56.750.000

**Chứng từ sử dụng** : Bảng chấm công, thanh toán tiền lương

**Sổ sách kế toán sử dụng**: Sổ Nhật kí chung, Sổ cái TK 641, 334

Căn cứ vào bảng chấm công, kế toán ghi sổ nhật ký chung và sổ cái TK 642. Cuối kỳ, đối chiếu số liệu lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính

Biểu số 15 : Bảng thanh toán tiền lương tháng 1/2013

**Đơn vị:** Công ty TNHH Phúc Tiến

**Địa chỉ:** 205, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

**Mẫu số 02-LĐTL**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG THÁNG 1/2013**

Khôi phòng ban

Lương tối thiểu: 1.050.000

S T T	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Ngày công	Hệ số	LƯƠNG TỐI THIỂU	LƯƠNG CƠ BẢN	Phụ cấp	Tổng lương	Các khoản trích			Còn lĩnh
									BHXH 7%	BHYT 1.5%	BHTN 1%	
1	Hà Văn Phúc	GĐ	24	5.42	1.150.000	6.233.000	900.000	7.133.000	<b>436.310</b>	<b>93.495</b>	<b>62.330</b>	<b>6.540.965</b>
2	Phạm Hồng Nam	PG Đ	24	4.34	1.150.000	4.991.000	500.000	5.491.000	<b>349.370</b>	<b>74.865</b>	<b>49.910</b>	<b>5.016.855</b>
3	Đình Công Mạnh	NV	24	2.67	1.150.000	3.070.500	400.000	3.470.500	<b>214.935</b>	<b>46.058</b>	<b>30.750</b>	<b>3.178.757</b>
4	Nguyễn Văn Đức	NV	24	2.67	1.150.000	3.070.500	400.000	3.470.500	<b>214.935</b>	<b>46.058</b>	<b>30.750</b>	<b>3.178.757</b>
5	Trương Thị May	TQ	24	3.00	1.150.000	3.450.000	400.000	3.850.000	<b>241.500</b>	<b>51.750</b>	<b>34.500</b>	<b>3.522.250</b>
6	Phạm Thị Liên	KT	24	3.00	1.150.000	3.450.000	400.000	3.850.000	<b>241.500</b>	<b>51.750</b>	<b>34.500</b>	<b>3.522.250</b>
	.....											
	<b>CỘNG</b>					<b>32.450.000</b>	<b>6.400.000</b>	<b>38.850.000</b>	<b>2.271.500</b>	<b>486.750</b>	<b>324.500</b>	<b>35.768.250</b>

Biểu số 16 : Trích sổ nhật ký chung

**CÔNG TY TNHH PHÚC TIẾN**

Số : 205, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

**Mẫu số S03a – DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2013

Đơn vị tính : đồng

NT	Chung từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			Tháng 1/ 2013.						
2/1	PC 01	2/1	Thanh toán tiền mua ấn chỉ			642		290,000	
							1111		290,000
2/1	PT 01	2/1	Điều chỉnh công nợ do bị làm nhầm			1111		66,796,326	
							3311		66,796,326
			.....						
<b>31/1</b>	<b>BL T1</b>	<b>31/1</b>	<b>Tính lương phải trả nhân viên tháng 1</b>			<b>641</b>		<b>56,750,000</b>	
							<b>334</b>		<b>56,750,000</b>
			.....						
			Cộng lũy kế					3,491,512,766	3,491,512,766

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

- Ngày mở sổ : ...

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày .... tháng..... năm 2013  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**CÔNG TY TNHH PHÚC TIÊN**  
Số : 205, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

Biểu số 17: Sổ cái TK 641  
**Mẫu số S03b- DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tháng 1 năm 2013

Tên tài khoản : Chi phí bán hàng

Số hiệu : TK 641

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SHTK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT		Trg số	STT dòng		Nợ	Có
			<u>Số dư đầu tháng</u>					
31/1	BL T1	31/1	Tính lương phải trả nhân viên tháng 1			334	56,750,000	
31/1	BPB 242	31/1	Phân bổ công cụ, dụng cụ tháng 1			242	281,583	
31/1	PKT 05	31/1	Kết chuyển chi phí bán hàng			911		57,031,583
			Cộng SPS trong tháng 1				57,031,583	57,031,583
			<u>Số dư cuối tháng</u>					

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

- Ngày mở sổ : ...

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày .... tháng..... năm 2013  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**2.3.3.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

**Đặc điểm kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp gồm các chi phí liên quan đến quản lý kinh doanh như : chi phí lương nhân viên văn phòng, văn phòng phẩm, khấu hao TSCĐ, điện nước , điện thoại phục vụ cho hoạt động quản lý, các chi phí khác bằng tiền khác...

**Tài khoản sử dụng**

TK 642 : Chi phí quản lý doanh nghiệp

**Chứng từ sử dụng**

Phiếu chi

Ủy nhiệm chi

Hóa đơn GTGT liên 2

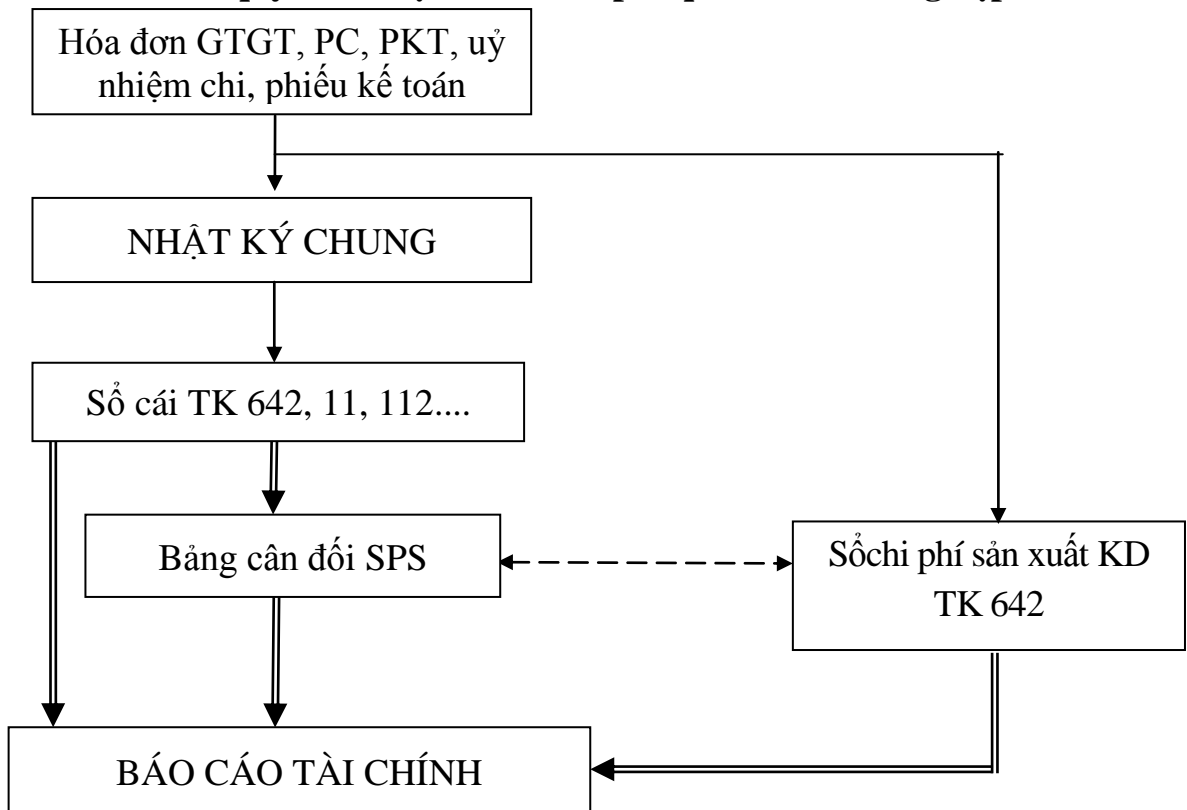
**Sổ sách kế toán sử dụng**

Sổ nhật ký chung

Sổ cái TK 642

Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

**Sơ đồ 2.7 : Sơ đồ quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp**



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

**Ví dụ 4** : Ngày 31 tháng 1 năm 2013 , phân bổ công cụ, dụng cụ số tiền là 265.750 đ (BPB 242)

Kế toán định khoản

Nợ TK 642                    265.750

    Có TK 242                265.750

**Chứng từ sử dụng:** BPB 242

**Sổ sách kế toán sử dụng :** Sổ Nhật kí chung, Sổ cái TK 642, 242

Căn cứ bảng phân bổ, kế toán ghi sổ nhật ký chung và sổ cái TK 642. Cuối kỳ, đối chiếu số liệu lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính



Biểu số 18 : Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ

**CÔNG TY TNHH PHÚC TIẾN**

Số : 205, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

**Mẫu số S07a- DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/Q - BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG PHÂN BỐ NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU, CÔNG CỤ, DỤNG CỤ**  
Tháng 1/ 2013

TT	TÊN VT	BỘ PHẬN SỬ DỤNG	SL	ĐG	THÀNH TIỀN	TG P.BỔ	SỐ TIỀN PB KỲ NÀY	ĐỐI TƯỢNG PB		GTCL
								641	642	
I	Chi phí CCDC				13,136,000		547,333.33	281,583.33	265,750.00	12,588,666.67
1	Bàn 1.2 m	Phòng kế toán	4	530,000	2,120,000	24	88,333.33		88,333.33	2,031,666.67
2	Bàn 1.8m	Phòng giám đốc	1	980,000	980,000	24	40,833.33		40,833.33	939,166.67
3	Ghế quay GD	Phòng giám đốc	1	620,000	620,000	24	25,833.33		25,833.33	594,166.67
4	Ghế quay NV	Phòng kế toán	4	302,000	1,208,000	24	50,333.33		50,333.33	1,157,666.67
5	Bàn 2.2m	Phòng kế toán	1	1,450,000	1,450,000	24	60,416.67		60,416.67	1,389,583.33
6	Ghế gấp	Quầy bán hàng	23	146,000	3,358,000	24	139,916.67	139,916.67		3,218,083.33
7	Kết Hòa Phát	Quầy bán hàng	1	3,400,000	3,400,000	24	141,666.67	141,666.67		3,258,333.33
	Tổng Cộng				13,136,000		547,333.33	281,583.33	265,750.00	12,588,666.67

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Ngày...tháng...năm  
Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Biểu số 19 : Trích sổ nhật ký chung

**CÔNG TY TNHH PHÚC TIẾN**  
**Số : 205, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng**

**Mẫu số S03a – DN**  
 ( Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**NHẬT KÝ CHUNG**  
**Năm 2013**

Đơn vị tính : đồng

NT	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			Tháng 1/ 2013.						
2/1	PC 01	2/1	Thanh toán tiền mua ấn chỉ			642		290,000	
							1111		290,000
2/1	PT 01	2/1	Điều chỉnh công nợ do bị làm nhầm			1111		66,796,326	
							3311		66,796,326
			.....						
<b>31/1</b>	<b>BPB242</b>	<b>31/1</b>	<b>Phân bổ công cụ, dụng cụ tháng 1</b>			<b>642</b>		<b>265,750</b>	
							<b>242</b>		<b>265,750</b>
			.....						
			Cộng lũy kế					3,491,512,766	3,491,512,766

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

- Ngày mở sổ : ...

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày .... tháng..... năm 2013  
 Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**CÔNG TY TNHH PHÚC TIẾN**

**Mẫu số S03b- DN**

**Số : 205, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng**  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật kí chung)

Tháng 1 năm 2013

Tên tài khoản : Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu : TK 642

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SHTK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT		Trg số	STT dòng		Nợ	Có
			<u>Số dư đầu tháng</u>					
2/1	PC 01	2/1	Thanh toán tiền mua ấn chỉ			1111	290,000	
6/1		6/1	Phí chuyển tiền			1121	33,497	
31/1	BL T1	31/1	Tính lương phải trả nhân viên tháng 1			334	38,850,000	
31/1	TL T1	31/1	Tính ra các khoản trích lương theo quy định			338	7,463,500	
31/1	BPB 242	31/1	Phân bổ công cụ, dụng cụ tháng 1			242	265,750	
31/1	PKT 06	31/1	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp			911		46,902,747
			Cộng SPS trong tháng 1				46,902,747	46,902,747
			<u>Số dư cuối tháng</u>					

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

- Ngày mở sổ : ...

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày .... tháng..... năm 2013  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**2.3.4. Tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh**

Đặc điểm kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty bao gồm :

- +Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- +Kết quả hoạt động tài chính.

Trong năm 2013 không phát sinh hoạt động khác.

Tài khoản sử dụng

TK 911 : Xác định kết quả kinh doanh

Các tài khoản có liên quan

- + TK 821 : Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- +TK 421 : Lợi nhuận chưa phân phối

**Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán

**Sổ sách kế toán sử dụng**

- Sổ Nhật kí chung

**Ví dụ 5** : Nghiệp vụ xác định kết quả kinh doanh tháng 1 năm 2013

Kế toán định khoản

+ Kết chuyển doanh thu thuần:

Nợ TK 511            717.324.722

    Có TK911        717.324.722

+Kết chuyển giá vốn hàng bán

Nợ TK 911            555.058.871

    Có TK 632        555.058.871

+Kết chuyển chi phí bán hàng

Nợ TK 911            57.031.583

    Có TK 641        57.031.583

+Kết chuyển chi phí quản lí doanh nghiệp

Nợ TK 911            46.902.747

    Có TK 642        46.902.747

- Xác định kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ :

Lợi nhuận hđ

bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu thuần	-	Giá vốn hàng bán	-	CPBH	-	CPQLDN
		= 717.324.722		- 555.058.871		- 57.031.583		- 46.902.747
		= 58.331.521						

+ Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính

Nợ TK 515                      5.105.619

    Có TK 911                    5.105.619

- Xác định kết quả tài chính

Lợi nhuận HĐTC = Doanh thu tài chính - Chi phí tài chính = 5.105.619

- Xác định kết quả hoạt động kinh doanh :

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	=	Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	+	Kết quả hoạt động tài chính
	=	58.331.521	+	5.105.619
	=	63.437.140		

+ Xác định chi phí thuế TNDN phải nộp :

Nợ TK 821                      15.859.285

    Có TK 3334                 15.859.285

+ Kết chuyển chi phí thuế TNDN :

Nợ TK 911                      15.859.285

    Có TK 821                   15.859.285

+ Kết chuyển lợi nhuận sau thuế :

Nợ TK 911                      47.577.855

    Có TK 421                   47.577.855

**Chứng từ sử dụng**

Các phiếu kế toán

Biểu số 21 : Phiếu kế toán số 02

**Công ty TNHH Phúc Tiến****Địa chỉ: 205 Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng****PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 1 năm 2013

Số PKT : 02

Đơn vị tính : đồng

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	K/ c doanh thu thuần	<b>511</b>	<b>911</b>	717.324.722
	Cộng			717.324.722

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)Ngày 31 tháng 1 năm 2013  
Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Biểu số 22 : Phiếu kế toán 03

**Công ty TNHH Phúc Tiến****Địa chỉ: 205 Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng****PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 1 năm 2013

Số PKT : 03

Đơn vị tính : đồng

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	K/ c doanh thu HĐTC	<b>515</b>	<b>911</b>	5.105.619
	Cộng			5.105.619

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)Ngày 31 tháng 1 năm 2013  
Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Biểu số 23 : Phiếu kế toán 04

**Công ty TNHH Phúc Tiến****Địa chỉ: 205 Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng****PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 1 năm 2013

Số PKT : 04

Đơn vị tính : đồng

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	K/ c GVHB	<b>911</b>	<b>632</b>	555.058.871
	Cộng			555.058.871

*Ngày 31 tháng 1 năm 2013*

Biểu số 24 : Phiếu kế toán số 05

**Công ty TNHH Phúc Tiến****Địa chỉ: 205 Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng****PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 1 năm 2013

Số PKT : 05

Đơn vị tính : đồng

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	K/ c CPBH	<b>911</b>	<b>641</b>	57.031.583
	Cộng			57.031.583

*Ngày 31 tháng 1 năm 2013*Người lập biểu  
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Biểu số 25 : Phiếu kế toán số 06

**Công ty TNHH Phúc Tiến****Địa chỉ: 205 Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng****PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 1 năm 2013

Số PKT : 06

Đơn vị tính : đồng

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	K/ c CPQLDN	<b>911</b>	<b>642</b>	46.902.747
	Cộng			46.902.747

Ngày 31 tháng 1 năm 2013

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Biểu số 26 : Phiếu kế toán số 07

**Công ty TNHH Phúc Tiến****Địa chỉ: 205 Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng****PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 1 năm 2013

Số PKT : 07

Đơn vị tính : đồng

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Xác định thuế TNDN phải nộp	<b>821</b>	<b>3334</b>	15.859.285
	Cộng			15.859.285

Ngày 31 tháng 1 năm 2013

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)



Biểu số 27 : Phiếu kê toán 08

**Công ty TNHH Phúc Tiến****Địa chỉ: 205 Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng****PHIẾU KÊ TOÁN**

Ngày 31 tháng 1 năm 2013

Số PKT : 08

Đơn vị tính : đồng

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	K/ c chi phí thuế	911	821	15.859.285
	Cộng			15.859.285

Ngày 31 tháng 1 năm 2013

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Biểu số 28 : Phiếu kê toán 09

**Công ty TNHH Phúc Tiến****Địa chỉ: 205 Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng****PHIẾU KÊ TOÁN**

Ngày 31 tháng 1 năm 2013

Số PKT : 09

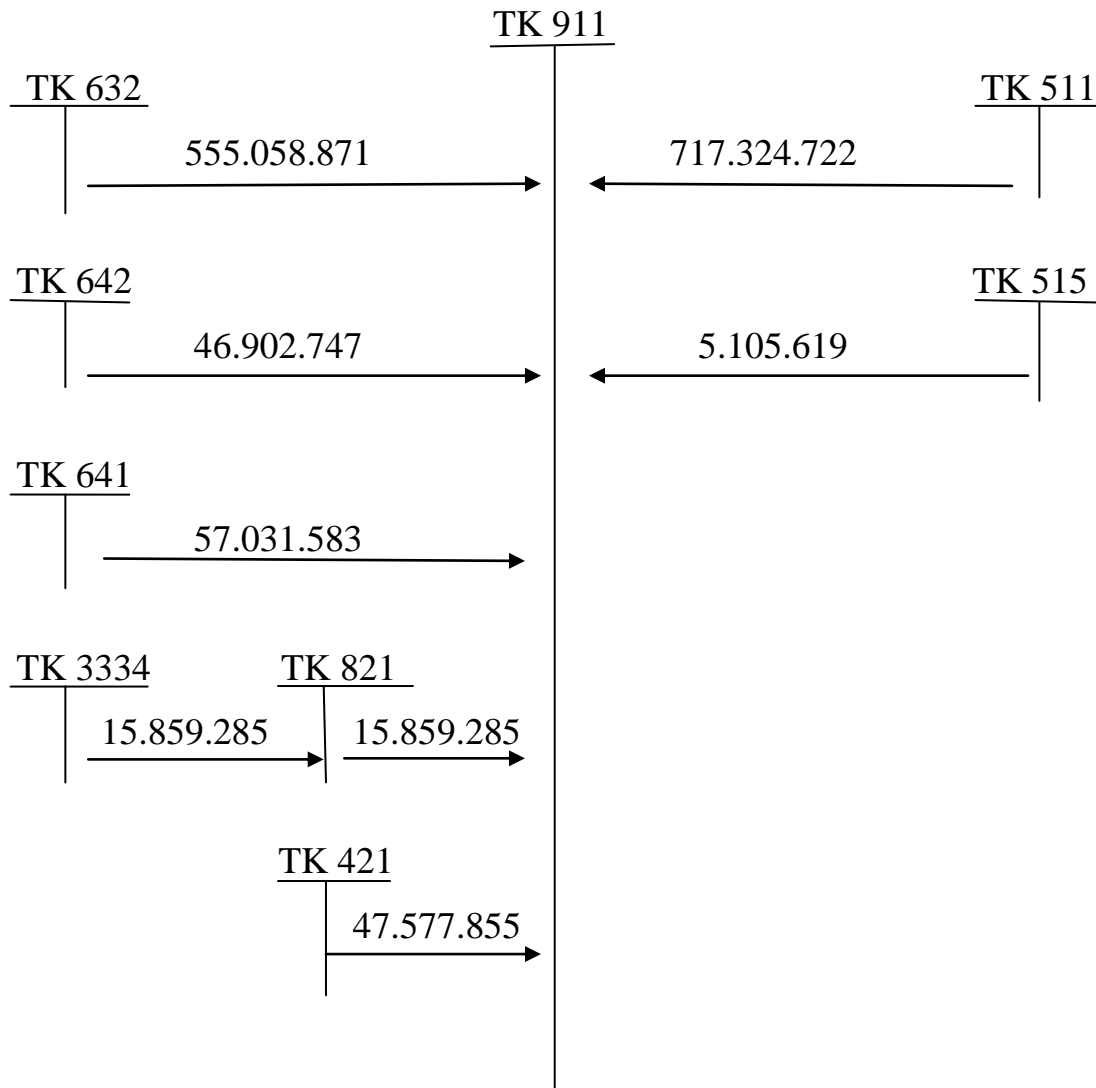
Đơn vị tính : đồng

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	K/ c LNST	911	421	47.577.855
	Cộng			47.577.855

Ngày 31 tháng 1 năm 2013

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Sơ đồ 2.7. Sơ đồ kế toán tổng hợp xác định kết quả kinh doanh



Biểu số 29: Trích sổ nhật ký chung

**CÔNG TY TNHH PHÚC TIẾN**

**Mẫu số S03a – DN**

**Số : 205, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng**

( Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**NHẬT KÝ CHUNG**  
**Năm 2013**

Đơn vị tính : đồng

TGS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			Tháng 1/ 2013.						
2/1	PC 01	2/1	Thanh toán tiền mua ấn chỉ			642		290,000	
							1111		290,000
2/1	PT 01	2/1	Điều chỉnh công nợ do bị làm nhầm			1111		66,796,326	
							3311		66,796,326
2/1	PC 02	2/1	Nộp thuế môn bài năm 2012			3338		1,500,000	
							1111		1,500,000
			.....						
<b>31/1</b>	<b>PKT 02</b>	<b>31/1</b>	<b>Kết chuyển doanh thu thuần</b>			<b>5111</b>		<b>717,324,722</b>	
							<b>911</b>		<b>717,324,722</b>
<b>31/1</b>	<b>PKT 03</b>	<b>31/1</b>	<b>Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính</b>			<b>515</b>		<b>5,105,619</b>	
							<b>911</b>		<b>5,105,619</b>
<b>31/1</b>	<b>PKT 04</b>	<b>31/1</b>	<b>Kết chuyển giá vốn hàng bán</b>			<b>911</b>		<b>555,058,871</b>	
							<b>632</b>		<b>555,058,871</b>
<b>31/1</b>	<b>PKT 05</b>	<b>31/1</b>	<b>Kết chuyển chi phí bán hàng</b>			<b>911</b>		<b>57,031,583</b>	

							<b>641</b>		<b>57,031,583</b>
<b>31/1</b>	<b>PKT 06</b>	<b>31/1</b>	<b>Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp</b>			<b>911</b>		<b>46,902,747</b>	
							<b>642</b>		<b>46,902,747</b>
<b>31/1</b>	<b>PKT 07</b>	<b>31/1</b>	<b>Xác định thuế TNDN phải nộp</b>			<b>8211</b>		<b>15,859,285</b>	
							<b>3334</b>		<b>15,859,285</b>
<b>31/1</b>	<b>PKT 08</b>	<b>31/1</b>	<b>Kết chuyển chi phí thuế</b>			<b>911</b>		<b>15,859,285</b>	
							<b>8211</b>		<b>15,859,285</b>
<b>31/1</b>	<b>PKT 09</b>	<b>31/1</b>	<b>Kết chuyển lợi nhuận sau thuế</b>			<b>911</b>		<b>47,577,855</b>	
							<b>421</b>		<b>47,577,855</b>
			<b>Cộng lũy kế</b>					<b>3,491,512,766</b>	<b>3,491,512,766</b>

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

- Ngày mở sổ : ...

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày .... tháng..... năm 2013  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 30 : Sổ cái TK 821

**CÔNG TY TNHH PHÚC TIẾN**

**Số : 205, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng**

**Mẫu số S03b – DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tháng 1 năm 2013

Tên tài khoản : Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu : TK 821

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SHTK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT		Trg số	STT dòng		Nợ	Có
			<u>Số dư đầu tháng</u>					
<b>31/1</b>	<b>PKT 07</b>	<b>31/1</b>	<b>Xác định thuế TNDN phải nộp</b>			<b>3334</b>	<b>15,859,285</b>	
<b>31/1</b>	<b>PKT 08</b>	<b>31/1</b>	<b>Kết chuyển chi phí thuế</b>			<b>911</b>		<b>15,859,285</b>
			Cộng SPS				15,859,285	15,859,285
			<u>Số dư cuối tháng</u>					

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

- Ngày mở sổ : ...

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày .... tháng..... năm 2013  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 31: Sổ cái TK 421

**CÔNG TY TNHH PHÚC TIỀN**

**Số : 205, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng**

**Mẫu số S03b – DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**(Dùng cho hình thức kế toán Nhật kí chung)**

Tháng 1 năm 2013

Tên tài khoản : Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu : TK 421

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SHTK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT		Trg số	STT dòng		Nợ	Có
			<u>Số dư đầu tháng</u>					–
<b>31/1</b>	<b>PKT 09</b>	<b>31/1</b>	<b>Kết chuyển lợi nhuận sau thuế</b>			<b>911</b>		<b>47,577,855</b>
			Cộng SPS					47,577,855
			<u>Số dư cuối tháng</u>					<u>47,577,855</u>

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

- Ngày mở sổ : ...

Ngày .... tháng..... năm 2013

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**CÔNG TY TNHH PHÚC TIỀN**  
Số : 205, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

Biểu số 32: Sổ cái TK 911  
Mẫu số S03b – DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tháng 1 năm 2013

Tên tài khoản : Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu : TK 911

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SHTK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT		Trg sổ	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng					
31/1	PKT 02	31/1	Kết chuyển doanh thu thuần			5111		717,324,722
31/1	PKT 03	31/1	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			515		5,105,619
31/1	PKT 04	31/1	Kết chuyển giá vốn hàng bán			632	555,058,871	
31/1	PKT 05	31/1	Kết chuyển chi phí bán hàng			641	57,031,583	
31/1	PKT 06	31/1	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp			642	46,902,747	
31/1	PKT 08	31/1	Kết chuyển chi phí thuế			8211	15,859,285	
31/1	PKT 09	31/1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế			421	47,577,855	
			Cộng SPS trong tháng 1				722,430,341	722,430,341
			Số dư cuối tháng					

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

- Ngày mở sổ : ...

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày .... tháng..... năm 2013  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN  
TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ  
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY  
TNHH PHÚC TIẾN**

**3.1. Một số nhận xét về tình hình tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phúc Tiến**

Trong thời gian thực tập tại công ty TNHH Phúc Tiến ,được sự giúp đỡ của ban lãnh đạo doanh nghiệp và các nhân viên phòng kế toán cùng với việc vận dụng những kiến thức đã được học ở trường một cách linh hoạt và sáng tạo em xin có những nhận xét như sau :

**3.1.1. Những ưu điểm**

Là một doanh nghiệp thương mại mới ra đời trong một thời gian ngắn nhưng đã sớm khẳng định được vị trí của mình.

Ra đời và hoạt động xuất phát từ nhu cầu của nền kinh tế thị trường, công ty có những điều kiện thuận lợi là không phải chịu ảnh hưởng của cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, không bị ràng buộc bởi bộ máy quản lý công kênh và trì trệ. Công ty có điều kiện để tiếp cận với những quy luật của nền kinh tế thị trường và đã vận dụng nó một cách linh hoạt vào hoạt động kinh doanh của công ty.

- Về hoạt động kinh doanh : doanh nghiệp chủ động nắm bắt nhu cầu của khách hàng để chủ động khai thác nguồn hàng, tổ chức hợp lý quá trình cung ứng tiêu thụ, doanh nghiệp còn chú trọng đến chất lượng phục vụ khách hàng kể cả bán buôn và bán lẻ để nâng cao uy tín của doanh nghiệp trên thị trường.

Doanh nghiệp thực hiện nhiều phương thức tiêu thụ khác nhau nhằm tiêu thụ được số lượng hàng hóa tối đa.

- Về tổ chức bộ máy quản lý

Với đặc thù công ty là doanh nghiệp thương mại không sản xuất, nên bộ máy tổ chức của công ty khá đơn giản, cắt giảm các khâu rườm rà, phù hợp với loại hình hoạt động của công ty, tiết kiệm được chi phí.

- Về tổ chức bộ máy kế toán

Kế toán là bộ phận cấu thành nên hệ thống quản lý kinh tế tài chính của công ty là một bộ phận quan trọng quyết định sự thành bại trong kinh doanh. Vì vậy, Công ty sớm nhận thấy vai trò của bộ máy kế toán trong việc quản lý, giám



sát hoạt động kinh doanh : Kế toán thường xuyên kiểm tra các chi phí phát sinh, phát hiện những nghiệp vụ bất thường cần điều chỉnh lại, đôn đốc thu hồi công nợ và cho biết nguồn tài chính hiện tại của công ty, phản ánh lên sổ sách kế toán và là nơi lưu trữ thông tin tài chính quan trọng. Đối tác của công ty rất nhiều vì vậy việc lập báo cáo tài chính một cách khoa học và chặt chẽ mang một ý nghĩa rất lớn . Với đội ngũ kế toán giỏi, tinh thông nghiệp vụ, đặc biệt là kế toán trưởng có trình độ cao, am hiểu nhiều lĩnh vực đã cho ra những bản báo cáo tài chính phù hợp, kịp thời, đúng quy định.

- Về chứng từ, sổ sách kế toán áp dụng

Chứng từ kế toán : Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các chứng từ được kế toán tổng hợp, lưu giữ và bảo quản cẩn thận. Quá trình luân chuyển chứng từ một cách hợp lý. Chứng từ từ khâu bán hàng, mua hàng sang phòng kế toán được thực hiện một cách khẩn trương , liên tục.

Hệ thống tài khoản sử dụng : Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của Bộ tài chính, chuẩn mực kế toán mới thống nhất trên cả nước. Vận dụng linh hoạt chế độ sổ sách kế toán. Mở tài khoản cấp 2 của các tài khoản để phục vụ thông tin một cách chính xác và nhanh nhất.

Tổ chức bộ sổ kế toán : Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán “Nhật ký chung” và phương pháp kê khai thường xuyên các chứng từ gốc các loại sổ sử dụng và các bảng phân bổ được tuân thủ theo một quy định chung và được thực hiện đồng bộ, thống nhất toàn công ty. Việc xử lý các thông tin kế toán phù hợp với trình độ năng lực và điều kiện trang thiết bị tính toán cũng như yêu cầu quản lý của công ty. Việc kiểm soát thông tin đảm bảo yêu cầu dễ tìm, dễ thấy.

Về hạch toán quá trình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh : Việc hạch toán doanh thu giá về cơ bản là đúng theo nguyên tắc, chế độ hiện hành. Doanh thu được phản ánh đầy đủ, phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Việc hạch toán kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ được thực hiện khá chặt chẽ. Công ty luôn thực hiện tính đúng, tính đủ số thuế phải nộp vào ngân sách Nhà nước. Đồng thời công ty sử dụng đầy đủ tất cả các mẫu kê khai tính thuế GTGT do doanh nghiệp quy định.

**3.1.2. Các mặt hạn chế và nguyên nhân**

Mặc dù về cơ bản công ty đã tổ chức khá tốt việc tiêu thụ hàng hóa và xác định kết quả kinh doanh, tuy nhiên vẫn còn tồn tại những nhược điểm sau cần được khắc phục :

- Công ty phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho toàn bộ hàng tiêu thụ vào cuối mỗi tháng, không phân bổ chi phí này cho từng mặt hàng tiêu thụ, vì vậy không xác định chính xác được kết quả tiêu thụ của từng mặt hàng để từ đó có kế hoạch kinh doanh phù hợp.

- Công ty TNHH Phúc Tiến là một đơn vị kinh doanh thương mại, để tiến hành kinh doanh thì công ty phải tiến hành mua hàng hóa nhập kho rồi sau đó mới đem tiêu thụ, điều này không tránh khỏi sự giảm giá thường xuyên của hàng trong kho, tuy nhiên kế toán công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Hoạt động kinh doanh chủ yếu của công ty là mua bán hàng hóa, do đó việc giữ mối quan hệ tốt với các khách hàng truyền thống vô cùng quan trọng .Tuy nhiên, công ty đã không áp dụng các chính sách chiết khấu và giảm giá hàng bán vào chiến lược kinh doanh.

- Để làm nên thành công của công ty cần có đội ngũ cán bộ, nhân viên giỏi, tích cực và trung thành, cống hiến hết mình cho công ty. Tuy nhiên, qua tìm hiểu em thấy công ty rất hạn chế trong việc áp dụng các chính sách khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên...

- Công ty áp dụng hình thức kế toán thủ công, tức là mọi hoạt động kinh doanh của công ty đều được kế toán làm bằng tay nhờ sự hỗ trợ của Excel. Do đó gặp nhiều hạn chế trong công tác kế toán, không tiếp cận được kịp thời những cải tiến trong công tác kế toán mà các phần mềm kế toán mang lại.

**3.1.3. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phúc Tiến**

Là một doanh nghiệp thương mại thì điều quan trọng nhất của doanh nghiệp chính là kết quả bán hàng , tiêu thụ hàng hóa đạt doanh thu ra sao? Đó cũng là yếu tố sống còn quyết định sự tồn tại của công ty.

Do đó, việc hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phúc Tiến càng trở nên cần thiết.

Mục đích của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là tạo hướng đi đúng đắn đưa công tác kế toán đi vào nề nếp, với các doanh nghiệp việc hoàn thiện này không nằm ngoài mục tiêu tăng doanh thu và đạt lợi nhuận cao, để làm đúng hơn , chính xác hơn, nhanh hơn phục vụ cho công tác chỉ đạo, sản xuất kinh doanh. Để đạt được hiệu quả trong

việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh phải dựa trên những nguyên tắc sau :

Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của Nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt.

Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp .

Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý

Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữ thu nhập và chi phí.

### **3.1.4. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phúc Tiến.**

Qua quá trình thực tập tại Công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của Công ty sẽ được hoàn thiện hơn. Em xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty như sau :

- **Kiến nghị 1** : Hàng hóa công ty kinh doanh gồm nhiều chủng loại, mỗi loại mang lại mức lợi nhuận khác nhau. Một trong những biện pháp tăng lợi nhuận là phải chú trọng nâng cao doanh thu của mặt hàng cho mức lãi cao. Vì vậy, ta cần xác định được kết quả tiêu thụ của từng mặt hàng. Từ đó, xây dựng kế hoạch tiêu thụ sản phẩm mang lại hiệu quả cao nhất. Để thực hiện được việc đó ta sử dụng tiêu thức phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng mặt hàng tiêu thụ sau mỗi kỳ báo cáo.

- **Kiến nghị 2** : Do hình thức kinh doanh thực tế tại công ty nhiều khi phải mua hàng về kho để chuẩn bị cho hoạt động phân phối lưu thông tiếp theo. Việc này không tránh khỏi sự giảm giá thường xuyên, liên tục của hàng hóa trong kho.

Vì vậy, công ty nên dự tính khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là việc tính trước vào giá vốn hàng bán phần giá trị bị giảm xuống thấp hơn so giá ghi sổ của kế toán hàng tồn kho

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nhằm giúp công ty bù đắp các thiệt hại thực tế xảy ra do hàng hóa tồn kho giảm giá, đồng thời cũng để phản ánh giá trị thực tế thuần túy hàng tồn kho của công ty nhằm đưa ra một hình ảnh trung thực về tài sản của công ty khi lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ hạch toán.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được phản ánh trên tài khoản 159 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- **Kiến nghị 3** : Để thu hút được nhiều khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lớn lâu năm, để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, Công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với khối lượng lớn bằng cách áp dụng chính sách chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hàng bán

- Chiết khấu thương mại :

Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng

- **Kiến nghị 4** : Để phát huy hết năng lực làm việc của đội ngũ nhân viên cũng như khả năng sáng tạo, cống hiến và xây dựng công ty của họ thì công ty cần phải có các chính sách tích cực liên quan đến khen thưởng, bồi dưỡng, phúc lợi... dành cho đội ngũ nhân viên trong công ty. Có chính sách khen thưởng cho người lao động bán tốt, bán được nhiều hàng... Nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động và nhằm khuyến khích CNV trong công ty lao động ngày càng hiệu quả và năng suất hơn, đưa công ty ngày càng phát triển xa hơn, vững mạnh hơn.

- **Kiến nghị 5** : Một trong những mục tiêu cải cách hệ thống kế toán lâu nay của Nhà nước là tạo điều kiện cho việc ứng dụng tin học vào hạch toán kế toán. Bởi vì tin học đã và đang trở thành một trong những công cụ quản lý kinh tế hàng đầu. Công ty TNHH Phúc Tiến là một công ty thương mại, trong một tháng có rất nhiều nghiệp vụ phát sinh cần phải ghi chép. Công việc kế toán chủ yếu được tiến hành bằng phần mềm Excel do vậy các công thức tính toán khi sao chép từ sheet này sang sheet khác có thể bị sai lệch dòng dẫn đến đưa ra các báo cáo không chính xác. Do vậy, việc sử dụng phần mềm kế toán máy trở nên cần thiết với công tác kế toán cũng như hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Việc áp dụng phần mềm kế toán máy trở nên cần thiết bởi vì :

- Giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán

- Tạo điều kiện cho việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời về tình hình tài chính của công ty.

- Tạo niềm tin vào Báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho các đối tượng bên ngoài.

- Giải phóng các kế toán viên khỏi công việc tìm kiếm và kiểm tra số liệu trong việc tính toán sổ học đơn giản , để họ có thời gian hơn cho việc lao động sáng tạo của cán bộ quản lý.

**KẾT LUẬN**

Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp giữ vị trí vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua số liệu doanh thu, chi phí, kết quả bán hàng, quản lý doanh nghiệp biết được doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả hay không hiệu quả, từ đó có những chiến lược chính sách để doanh nghiệp có thể sản xuất, phát triển, đứng vững trên thị trường. Khóa luận “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Phúc Tiến” được đề cập tới sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp nói chung và tại công ty TNHH Phúc Tiến nói riêng, khóa luận đã đưa ra được những vấn đề sau:

- Đã hệ thống được những lý luận cơ bản về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Phản ánh thực trạng khách quan, khá đầy đủ công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH Phúc Tiến với sự minh chứng bằng những chứng từ, số liệu, tài liệu năm 2013.

- Đưa ra được những kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán, doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Phúc Tiến nói riêng và các doanh nghiệp khác nói chung. Các kiến nghị đưa ra đều có cơ sở thực tiễn mang tính khả thi cao.

Do thời gian thực tập không dài, thời gian nghiên cứu khá ngắn với trình độ kiến thức thực tế còn hạn chế nên khóa luận không tránh khỏi những khiếm khuyết, sai sót. Em rất mong được sự góp ý, chỉ bảo của Ban giám đốc, các cô chú, anh chị trong phòng kế toán công ty TNHH Phúc Tiến, các thầy cô giáo và thầy hướng dẫn để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Khóa luận này được hoàn thành nhờ sự tạo mọi điều kiện, sự giúp đỡ của Ban giám đốc, phòng kế toán công ty TNHH Phúc Tiến, sự chỉ dẫn của các thầy cô giáo trong khoa trong trường và thầy giáo hướng dẫn trực tiếp. Em xin chân thành cảm ơn Ban giám đốc công ty, các anh chị, cô chú trong phòng kế toán, các phòng ban có liên quan của công ty. Em xin cảm ơn các thầy giáo, cô giáo trong khoa trong trường và thầy giáo hướng dẫn đã hỗ trợ, chỉ dẫn cho em hoàn thành khóa luận này.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Phạm Thị Thu Huyền